

ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN VỀ CẤP TÍN DỤNG VÀ PHÁT HÀNH, SỬ DỤNG THẺ TÍN DỤNG TẠI PVCOMBANK

(Ban hành kèm quy định số 34/2024/QT-QTRR ngày 19/02/2024 của Tổng Giám đốc)

Điều Khoản Và Điều Kiện Về Cấp Tín Dụng Và Phát Hành, Sử Dụng Thẻ Tín Dụng Tại PVcomBank (sau đây gọi là “**Điều Khoản Và Điều Kiện**”) là một bộ phận không tách rời của “*Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm Hợp đồng Tín Dụng*” hoặc “*Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng*” (sau đây gọi là “**Hợp Đồng Tín Dụng**”) mà PVcomBank và Khách Hàng đã giao kết. Bằng việc lựa chọn sử dụng sản phẩm, dịch vụ và ký vào Hợp Đồng Tín Dụng, Khách Hàng đồng ý chịu sự ràng buộc theo các Điều Khoản Và Điều Kiện tương ứng với sản phẩm, dịch vụ mà Khách Hàng đã lựa chọn sử dụng bao gồm: vay trả góp, thấu chi và thẻ tín dụng.

PHẦN A: GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

- Ngày làm việc:** là bất kỳ ngày nào trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, ngày nghỉ lễ, Tết tại Việt Nam hoặc bất kỳ ngày nào mà Ngân hàng không làm việc.
- Khách hàng/KH:** là Bên Vay (trong trường hợp vay trả góp, thấu chi) hoặc Chủ thẻ chính (trong trường hợp phát hành và sử dụng thẻ tín dụng).
- PVcomBank:** là Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam
- Tổ chức thẻ quốc tế (“TCTQT”):** là hiệp hội các tổ chức tài chính, tín dụng tham gia phát hành và thanh toán Thẻ quốc tế, bao gồm: Tổ chức Visa, Tổ chức MasterCard International, Công ty American Express, Công ty JCB, Công ty Diners Club và các TCTQT khác.
- Chủ thẻ:** là Khách hàng cá nhân được PVcomBank cung cấp Thẻ tín dụng để sử dụng theo hạn mức Thẻ tín dụng được cấp. Chủ thẻ bao gồm Chủ thẻ chính và Chủ thẻ phụ (nếu có).
- Chủ thẻ chính:** là cá nhân đứng tên thực hiện Hợp Đồng Tín Dụng với PVcomBank. Chủ thẻ chính chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ các khoản Dư nợ phát sinh trên Tài khoản Thẻ và là người duy nhất có quyền đưa ra các yêu cầu liên quan đến việc sử dụng Thẻ của Chủ thẻ phụ.
- Chủ thẻ phụ:** là cá nhân được Chủ thẻ chính chỉ định cho phép sử dụng thẻ và chủ thẻ chính cam kết thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ phát sinh liên quan đến việc sử dụng thẻ theo Hợp Đồng Tín Dụng. Chủ thẻ phụ từ đủ 18 tuổi trở lên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật; hoặc cá nhân từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi không bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.
- Thẻ tín dụng:** là loại Thẻ do PVcomBank phát hành cho phép Chủ Thẻ thực hiện giao dịch Thẻ trong phạm vi hạn mức Thẻ tín dụng đã được cấp theo thỏa thuận với PVcomBank. Trong

Điều Khoản Và Điều Kiện này, các từ “Thẻ” đứng độc lập đều được hiểu bao gồm Thẻ tín dụng Quốc tế và Thẻ tín dụng Nội địa.

9. **Tài khoản Thẻ:** là tài khoản của Chủ thẻ tại PVcomBank để quản lý việc sử dụng hạn mức Thẻ tín dụng được PVcomBank cấp cho Chủ thẻ và quản lý các giao dịch, phí, lãi và các phát sinh liên quan đến việc sử dụng Thẻ. Chủ thẻ phụ sử dụng chung tài khoản với Chủ thẻ chính.
10. **Giao dịch thẻ:** là việc sử dụng thẻ để thực hiện giao dịch thanh toán, rút tiền mặt và các dịch vụ khác do PVcomBank hoặc các tổ chức thanh toán thẻ cung ứng theo quy định của pháp luật.
11. **Mã số xác định chủ thẻ (Personal Identification Number – viết tắt là PIN):** là mã số mật do PVcomBank cung cấp cho Chủ thẻ hoặc do chủ thẻ tạo lập theo quy trình được PVcomBank quy định để sử dụng trong các giao dịch thẻ. Mã số này do Chủ thẻ chịu trách nhiệm bảo mật. Trong giao dịch điện tử, mã số xác định chủ thẻ được coi là chữ ký điện tử của Chủ thẻ.
12. **Thời hạn hiệu lực thẻ:** là thời hạn Chủ thẻ được phép sử dụng thẻ.
13. **Ngày hết hạn thẻ:** là ngày cuối cùng của tháng hết hiệu lực thẻ in trên thẻ.
14. **Hạn mức Thẻ tín dụng (“HMTTD”):** là số tiền mà PVcomBank cấp tín dụng qua thẻ cho chủ thẻ chính tại bất kỳ thời điểm nào trong suốt thời hạn sử dụng thẻ. (Các) chủ thẻ phụ (nếu có) sẽ được sử dụng chung HMTTD của chủ thẻ chính nhưng không vượt quá hạn mức giao dịch áp dụng với chủ thẻ phụ theo yêu cầu của chủ thẻ chính.
15. **Hạn mức sử dụng thẻ:** là số tiền giao dịch/số lần giao dịch tối đa cho từng loại giao dịch trong suốt thời hạn sử dụng thẻ. Chủ thẻ có thể thay đổi hạn mức sử dụng thẻ trong một khoảng thời gian hoặc trong suốt thời hạn sử dụng thẻ.
16. **Hạn mức sử dụng ngày:** là tổng số lần giao dịch và tổng giá trị giao dịch của tất cả các loại giao dịch mà Chủ thẻ được sử dụng trong một ngày.
17. **Hạn mức sử dụng lần:** là số tiền giao dịch tối đa Chủ thẻ được thực hiện trên mỗi lần giao dịch.
18. **Hạn mức khả dụng (“HMKD”):** là số tiền còn lại mà chủ thẻ có thể sử dụng (bao gồm số tiền còn lại của hạn mức thẻ tín dụng và số tiền chủ thẻ nộp vào tài khoản thẻ (nếu có)).
19. **Thay đổi hạn mức sử dụng thẻ**
Trong quá trình sử dụng thẻ, Chủ thẻ chính có thể thay đổi (tăng hoặc giảm) hạn mức sử dụng ngày hoặc hạn mức sử dụng lần theo nhu cầu của khách hàng (ngoại trừ việc điều chỉnh tăng hạn mức rút/ứng tiền mặt từ tài khoản thẻ), nhưng phải phù hợp với quy định của PVcomBank và Tổ chức Thẻ quốc tế.
Chủ thẻ chính có thể yêu cầu thay đổi hạn mức sử dụng ngày hoặc hạn mức sử dụng trên lần qua các kênh theo quy định của PVcomBank trong từng thời kỳ.
20. **Kỳ sao kê:** là khoảng thời gian PVcomBank lập bản sao kê, tính từ ngày liền sau Ngày sao kê của kỳ liền trước tới hết ngày sao kê của kỳ hiện tại.
21. **Ngày sao kê:** là ngày Hệ thống quản lý Thẻ của PVcomBank thực hiện chốt dữ liệu giao dịch của Chủ thẻ trong một chu kỳ sao kê.

22. **Ngày đến hạn thanh toán:** là ngày được nêu trong Sao kê và là ngày mà Khách Hàng phải thanh toán cho PVcomBank số tiền ít nhất bằng Số tiền thanh toán tối thiểu.
23. **Số tiền thanh toán tối thiểu:** là khoản tiền tối thiểu Khách Hàng phải thanh toán cho PVcomBank trong mỗi kỳ sao kê theo quy định của PVcomBank.
24. **Tài sản bảo đảm:** là tiền ký quỹ, giấy tờ có giá hoặc tài sản khác đáp ứng quy định của PVcomBank trong từng thời kỳ dùng để bảo đảm việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Khách Hàng.
25. **Tài khoản đăng ký:** là tài khoản thanh toán của Khách Hàng mở tại PVcomBank được Chủ thẻ sử dụng để đăng ký trích nợ tự động.
26. **CVV2/CVC2:** mã số xác thực chủ thẻ khi thực hiện các giao dịch bằng thẻ qua Internet.
27. **ATM:** máy giao dịch tự động
28. **POS:** thiết bị chấp nhận thẻ tại điểm bán mà chủ thẻ có thể sử dụng thẻ để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ.
29. **Đơn vị chấp nhận thẻ:** là Đơn vị chấp nhận thanh toán chấp nhận thanh toán hàng hoá, dịch vụ bằng Thẻ..
30. **Tổ chức thanh toán thẻ:** là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện thanh toán thẻ theo quy định pháp luật.
31. **Dư nợ:** là số tiền Khách Hàng đang nợ PVcomBank tại một thời điểm bất kỳ phát sinh từ việc phát hành và sử dụng thẻ, bao gồm: dư nợ gốc; và/hoặc phí; và/hoặc lãi phát sinh.
32. **Dư nợ Thẻ cuối kỳ:** là số tiền Khách Hàng đang nợ PVcomBank tính đến hết Ngày sao kê.

PHẦN B: ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN VỀ CẤP TÍN DỤNG – VAY TRẢ GÓP/THẤU CHI

I. LÃI SUẤT, PHÍ

1. PHƯƠNG PHÁP TÍNH LÃI

Lãi suất tính lãi: được quy đổi theo tỷ lệ%/năm (lãi suất năm); một năm là 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày.

Thời hạn tính lãi được xác định từ ngày tiếp theo của ngày PVcomBank giải ngân khoản vay đến thời điểm Khách hàng phải trả hết nợ gốc và lãi tiền vay.

Thời điểm xác định số dư để tính lãi là cuối mỗi ngày trong thời hạn tính lãi.

Số tiền lãi của toàn bộ thời hạn tính lãi được xác định theo công thức:

$$\text{Số tiền lãi} = \frac{\sum (\text{Số dư thực tế} \times \text{Số ngày duy trì số dư thực tế} \times \text{Lãi suất cho vay})}{365}$$

Trong đó:

- (i) **Số dư thực tế:** là số tiền vay thực tế được sử dụng để tính lãi theo thỏa thuận của các Bên và theo quy định của pháp luật về cấp tín dụng;
- (ii) **Số ngày duy trì số dư thực tế:** là số ngày mà số dư thực tế được duy trì để tính lãi.

(iii) *Lãi suất cho vay: Xác định theo quy định tại Hợp Đồng Tín Dụng.*

2. PHẠT CHẬM TRẢ

- 2.1. Trường hợp chậm trả nợ gốc, Khách Hàng đồng ý chịu mức lãi suất nợ quá hạn đối với phần nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn theo quy định trong Hợp Đồng Tín Dụng.
- 2.2. Trường hợp chậm trả lãi, Khách Hàng đồng ý chịu Lãi chậm trả lãi tính như sau: Lãi chậm trả lãi được xác định trên cơ sở tiền lãi chậm trả nhân (x) số ngày chậm trả thực tế nhân (x) Lãi suất chậm trả lãi (%) chia (:) 365. Lãi suất chậm trả lãi bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả.

3. ĐIỀU CHỈNH LÃI SUẤT/PHÍ

- 3.1. PVcomBank thực hiện điều chỉnh lãi suất/phí trong các trường hợp sau đây:
 - 3.1.1. Điều chỉnh định kỳ theo thỏa thuận tại Hợp Đồng Tín Dụng;
 - 3.1.2. Trong trường hợp phát sinh Sự Kiện Vi Phạm và/hoặc Thay Đổi Bất Lợi Đáng Kể theo Điều Khoản Và Điều Kiện này, Khách Hàng đồng ý PVcomBank có quyền điều chỉnh lãi suất/phí theo quy định của PVcomBank trong từng thời kỳ.
- 3.2. Trường hợp mức Lãi suất cơ sở được quy định tại Hợp Đồng Tín Dụng có nhiều mức khác nhau tại cùng một thời điểm, PVcomBank và Khách Hàng thống nhất xác định lãi suất cơ sở là mức lãi suất cao nhất trong biểu lãi suất mà PVcomBank công bố tùy từng thời kỳ.
- 3.3. Ngày điều chỉnh lãi suất được xác định là ngày bắt đầu mỗi kỳ điều chỉnh. Nếu ngày điều chỉnh lãi suất trùng với ngày nghỉ, lễ, Tết thì ngày điều chỉnh lãi suất sẽ được xác định là Ngày Làm Việc tiếp theo liền kề.
- 3.4. Khách Hàng đồng ý và cam kết rằng: (i) PVcomBank được tự động điều chỉnh lãi suất/phí và áp dụng mức lãi suất/phí đã được điều chỉnh trong các trường hợp nêu tại Khoản 3.1; và (ii) KH sẽ chịu trách nhiệm thanh toán đúng, đầy đủ toàn bộ số tiền lãi, phí, chi phí và các khoản tiền khác phát sinh từ việc PVcomBank điều chỉnh lãi suất/phí.

II. THỜI HẠN CHO VAY, SỐ TIỀN CHO VAY/HẠN MỨC THẤU CHI VÀ GIẢI NGÂN

1. THỜI HẠN CHO VAY

- 1.1 Thời hạn cho vay: là khoảng thời gian được tính từ ngày tiếp theo của ngày PVcomBank giải ngân vốn vay cho khách hàng cho đến thời điểm khách hàng phải trả hết nợ gốc và lãi tiền vay. Trường hợp ngày cuối cùng của Thời hạn cho vay không phải là Ngày Làm Việc, thì chuyển sang Ngày Làm Việc tiếp theo. Đối với Thời hạn cho vay không đủ một ngày thì thực hiện theo quy định tại Bộ luật dân sự về thời điểm bắt đầu thời hạn.
- 1.2 PVcomBank có toàn quyền quyết định Thời Hạn Cho Vay/Thời hạn Hạn mức thấu chi, số tiền cho vay/Hạn mức thấu chi khác với đề nghị của Khách Hàng tại Hợp Đồng Tín Dụng. PVcomBank có toàn quyền quyết định tự động điều chỉnh tăng/hoặc giảm số tiền cho vay/Hạn mức thấu chi theo quy định của PVcomBank và các nội dung khác liên quan đến Khoản Vay, bảo đảm phù hợp quy định pháp luật.

2. GIẢI NGÂN

- 2.1. Khoản vay trả góp: PVcomBank có toàn quyền quyết định thời điểm giải ngân khoản vay theo phương thức giải ngân do Khách Hàng đề nghị bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật về phương thức giải ngân. Kể từ thời điểm giải ngân, Khách Hàng chấp thuận nhận nợ và có trách nhiệm thanh toán gốc, lãi khoản vay theo quy định tại Hợp Đồng Tín Dụng.
- 2.2. Hạn mức thấu chi (sau đây viết tắt là “HMTC”):
- 2.2.1. Trong thời hạn hiệu lực của HMTC, PVcomBank đồng ý cho Khách Hàng được sử dụng vượt số dư Có trên Tài Khoản Thấu Chi của Khách Hàng mở tại PVcomBank một mức thấu chi tối đa để Khách Hàng thực hiện dịch vụ thanh toán trên tài khoản thanh toán theo các mục đích đề nghị cấp hạn mức thấu chi được PVcomBank chấp thuận. Khách Hàng không được rút tiền mặt từ HMTC dưới mọi hình thức.
- 2.2.2. Tài Khoản Thấu Chi: là tài khoản thanh toán của Khách Hàng mở tại PVcomBank. Theo đó, đối với Khoản cấp HMTC, PVcomBank sẽ cấp HMTC/thu nợ thông qua Tài Khoản này. Trong trường hợp Khách Hàng chưa có Tài khoản Thấu Chi mở tại PVcomBank, bằng việc ký Hợp Đồng Tín Dụng, Khách Hàng đồng thời đề nghị PVcomBank mở Tài khoản Thấu Chi cho Khách Hàng.
- 2.2.3. Thời điểm giải ngân HMTC:
- Khách Hàng sử dụng HMTC nhiều lần thông qua việc sử dụng Tài Khoản Thấu Chi tại Ngân Hàng.
- Số tiền thấu chi tối đa của mỗi lần giao dịch bằng hiệu số giữa HMTC với số tiền thấu chi thực tế của Khách Hàng tại thời điểm phát sinh giao dịch có sử dụng HMTC.
- Tại ngày Khách Hàng thực hiện giao dịch vượt số dư “Có” trên Tài Khoản Thấu Chi, PVcomBank đồng ý cho vay và Khách Hàng chấp thuận nhận nợ một số tiền tương ứng với số tiền vượt số dư “Có” trên Tài Khoản Thấu Chi và PVcomBank được tự động ghi Nợ số tiền thấu chi mà không cần có bất kỳ sự chấp thuận nào của Khách Hàng.

III. THANH TOÁN

1. Khách Hàng phải chủ động thanh toán các khoản gốc, lãi, phí và các nghĩa vụ thanh toán khác cho PVcomBank trước 16h00 của ngày đến hạn thanh toán, kể cả trường hợp PVcomBank thu hồi nợ trước hạn bằng phương thức nộp tiền trực tiếp tại quầy giao dịch hoặc chuyển tiền vào tài khoản thanh toán/tài khoản thấu chi của Khách Hàng để PVcomBank thu hồi nợ hoặc các phương thức thanh toán khác được PVcomBank chấp thuận tại từng thời kỳ. Trường hợp ngày đến hạn không phải là Ngày Làm Việc thì ngày trả nợ sẽ là Ngày Làm Việc liền kề ngay sau đó và lãi vẫn được tính cho tới ngày thực trả. Ngày làm việc theo Hợp Đồng là bất kỳ ngày nào trừ ngày nghỉ lễ tại Việt Nam hoặc bất kỳ ngày nào mà Ngân Hàng không làm việc (“Ngày Làm Việc”). Việc thanh toán của Khách Hàng chỉ được coi là thành công khi PVcomBank đã hạch toán thu nợ và khoản thanh toán của Khách Hàng đã được ghi nhận vào hệ thống của PVcomBank.

2. Khách Hàng được giải ngân bằng đồng tiền nào thì trả nợ bằng đồng tiền đó, trừ khi được PVcomBank chấp thuận thay thế bằng đồng tiền khác với tỷ lệ quy đổi do PVcomBank quyết định.
3. Vào ngày kết thúc Thời Hạn Cho Vay/HMTC, nếu Khách Hàng còn bất kỳ nghĩa vụ thanh toán nào khác chưa thanh toán, thì Khách Hàng phải thanh toán tất cả các nghĩa vụ đó vào ngày kết thúc Thời Hạn Cho Vay/HMTC.
4. Khi nhận được một khoản thanh toán bất kỳ Khách hàng, thứ tự thu nợ như sau: Các khoản chi phí, phí tổn, phí của PVcomBank (nếu có); tiền phạt; tiền bồi thường thiệt hại; tiền lãi chậm trả, tiền lãi quá hạn; tiền lãi đến hạn; nợ gốc; và các khoản liên quan khác. Trên cơ sở không trái các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, PVcomBank có thể thay đổi thứ tự ưu tiên thanh toán nêu trên. Nếu quy định pháp luật có quy định về thứ tự thu nợ thì tuân theo quy định pháp luật.
5. Khách hàng đồng ý sẽ thanh toán bất kỳ khoản phí, chi phí bao gồm nhưng không giới hạn các chi phí để thực hiện việc: (i) soạn thảo, ký kết, sửa đổi, bổ sung Hợp Đồng Tín Dụng; và (ii) các khoản lệ phí công chứng, chứng thực, đăng ký giao dịch bảo đảm và các phí, chi phí khác liên quan đến việc thực hiện Hợp Đồng Tín Dụng.
6. Khách Hàng đồng ý mở và duy trì tài khoản tại PVcomBank. Khách Hàng đồng ý cho PVcomBank được tự động trích tiền trên các tài khoản thanh toán hoặc bất kỳ khoản tiền nào mà Khách Hàng đang duy trì tại PVcomBank để thanh toán cho các nghĩa vụ thanh toán của Khách Hàng phát sinh theo Hợp Đồng Tín Dụng.

IV. **TRẢ NỢ TRƯỚC HẠN, CƠ CẤU LẠI KHOẢN NỢ, CHUYỂN NỢ QUÁ HẠN**

1. **Trả nợ trước hạn:** Trong trường hợp có nhu cầu trả nợ trước hạn (bao gồm tất toán Hạn mức thấu chi trước hạn), Khách Hàng gửi đề nghị trả nợ cho PVcomBank và phải được PVcomBank chấp thuận. Khách Hàng có trách nhiệm thực hiện đầy đủ thủ tục trả nợ trước hạn theo quy định của PVcomBank. Trường hợp PVcomBank yêu cầu Khách Hàng trả nợ trước hạn, Ngân hàng sẽ gửi thông báo yêu cầu thu nợ trước hạn cho Khách Hàng. Ngoài các khoản gốc, lãi phải trả, Khách Hàng có nghĩa vụ thanh toán Phí trả nợ trước hạn và các phí khác theo quy định của PVcomBank phù hợp với quy định pháp luật.
2. **Cơ cấu lại thời hạn trả nợ:** Trường hợp Khách Hàng không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi vay theo quy định tại Hợp Đồng Tín Dụng, Khách Hàng có thể đề nghị PVcomBank cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Văn bản đề nghị phải được kèm theo các tài liệu chứng minh gửi tới PVcomBank trước ngày đến hạn trả nợ tối thiểu 10 (mười) Ngày Làm Việc. Trường hợp chấp thuận, PVcomBank sẽ cơ cấu lại thời hạn trả nợ và có thông báo bằng văn bản cho Khách Hàng. Trường hợp PVcomBank không có văn bản chấp thuận về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, Khách Hàng có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi vay vào ngày đến hạn.

3. **Chuyển nợ quá hạn:** Khi Khách Hàng không trả được bất kỳ khoản nợ gốc hoặc lãi nào đến hạn, PVcomBank sẽ thực hiện chuyển khoản nợ theo Hợp Đồng Tín Dụng thành khoản nợ quá hạn theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong từng thời kỳ.

V. CAM KẾT CỦA KHÁCH HÀNG

1. Khách Hàng hiểu rõ và đồng ý PVcomBank có quyền kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và trả nợ của Khách Hàng; có quyền yêu cầu Khách Hàng báo cáo việc sử dụng vốn vay và cung cấp tài liệu, dữ liệu chứng minh vốn vay được sử dụng đúng mục đích. Khách Hàng có nghĩa vụ sử dụng vốn vay đúng mục đích đã cam kết.
2. Khách Hàng có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu cho tổ chức tín dụng trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu đó:
 - 2.1 Các thông tin, tài liệu, dữ liệu chứng minh đủ điều kiện vay vốn theo yêu cầu của PVcomBank và các thông tin về người có liên quan trong trường hợp pháp luật có quy định.
 - 2.2 Báo cáo việc sử dụng vốn vay và cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu chứng minh vốn vay được sử dụng đúng mục đích ghi trong thỏa thuận cho vay;
 - 2.3 Các thông tin, tài liệu, dữ liệu về biện pháp bảo đảm tiền vay trong trường hợp tổ chức tín dụng, khách hàng có thỏa thuận về việc áp dụng biện pháp bảo đảm
3. Trường hợp Khách Hàng chuyển công tác thì Khách Hàng (i) đồng ý cho PVcomBank được nhận lương và các khoản thu nhập của Khách Hàng tại Đơn vị công tác mới để thanh toán các nghĩa vụ của Khách Hàng phát sinh theo Hợp Đồng Tín dụng; và (ii) bằng Điều Khoản Và Điều Kiện này, Khách Hàng đồng ý cho Đơn vị công tác mới được quyền trích trừ lương, thưởng và các khoản thu nhập của Khách Hàng tại Đơn vị công tác mới để chuyển cho PVcomBank thanh toán các nghĩa vụ của Khách Hàng phát sinh theo Hợp Đồng Tín Dụng hoặc (iii) Khách Hàng đồng ý cho PVcomBank thu hồi nợ trước hạn hoặc dừng giải ngân đối với các khoản vay còn hiệu lực giải ngân.
4. Trường hợp Khách Hàng có sự thay đổi về việc làm (nghỉ việc/nghỉ hưu/chuyển công tác/tạm hoãn Hợp đồng lao động, bị sa thải, đuổi việc...), thu nhập, tình trạng trả nợ và/hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của PVcomBank, Khách Hàng cam kết thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tài sản theo yêu cầu của PVcomBank. Nếu không thực hiện được các biện pháp bảo đảm trong thời hạn PVcomBank yêu cầu, Khách Hàng cam kết trả trước hạn toàn bộ khoản vay.
5. Khách Hàng đã được PVcomBank cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến khoản vay trước khi hai bên xác lập Hợp Đồng Tín Dụng và các văn bản liên quan và Khách Hàng đã đọc, hiểu và đồng ý với các thông tin được PVcomBank cung cấp.
6. Khách Hàng cam kết tuân thủ đúng các quy định khác của PVcomBank liên quan đến khoản vay trả góp và/hoặc HMTTC của Khách Hàng.
7. Đồng ý để PVcomBank có quyền sử dụng các thông tin của Khách Hàng vào các mục đích không trái quy định của pháp luật.

8. Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều Khoản Và Điều Kiện này, các văn bản, cam kết vay vốn có liên quan.

PHẦN C. ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN VỀ PHÁT HÀNH VÀ SỬ DỤNG THẺ TÍN DỤNG

I. PHÁT HÀNH THẺ

1. Thông báo cho chủ thẻ:

- 1.1. Đồng ý về việc phát hành Thẻ cho Chủ thẻ;
- 1.2. Từ chối hoặc phê duyệt các Giao dịch thẻ;
- 1.3. Phát hành lại, làm mới, thay thế hoặc gia hạn Thẻ;
- 1.4. Số dư tài khoản, lịch sử giao dịch thẻ và các thông tin cần thiết khác theo quy định của Pháp luật hoặc quy định của PVcomBank trong từng thời kỳ.

2. Thẻ chính và Thẻ phụ:

- 2.1. PVcomBank có quyền quy định số thẻ phụ tối đa mà Chủ thẻ chính được phát hành từng thời điểm.
- 2.2. Chủ thẻ chính và (các) chủ thẻ phụ cùng sử dụng chung một hạn mức Thẻ tín dụng do PVcomBank cấp cho chủ thẻ chính. Chủ Thẻ chính chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ các khoản dư nợ phát sinh trên Tài khoản Thẻ.
- 2.3. Giao dịch của chủ thẻ chính và (các) chủ thẻ phụ được thể hiện trên cùng một sao kê và gửi cho chủ thẻ chính để thanh toán.
- 2.4. Trường hợp Chủ thẻ chính bị chết, mất tích hoặc mất năng lực hành vi thì việc thực hiện Điều Khoản Và Điều Kiện này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

II. PHẠM VI SỬ DỤNG THẺ

1. Chủ thẻ, bao gồm Chủ thẻ chính và Chủ thẻ phụ chỉ sử dụng thẻ cho các mục đích cá nhân và tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, không sử dụng thẻ để thực hiện các giao dịch rửa tiền, tài trợ khủng bố/vũ khí hủy diệt hàng loạt, lừa đảo, gian lận hoặc các hành vi vi phạm pháp luật khác. Chủ thẻ không sử dụng hạn mức thẻ tín dụng để chuyển tiền, ghi có vào tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ hoặc thẻ trả trước hoặc ví điện tử của Chủ thẻ hoặc bên thứ ba (không phải đơn vị chấp nhận thẻ); không rút tiền mặt tại POS của đơn vị chấp nhận thẻ.
2. Thẻ chỉ được sử dụng để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ, gửi, nạp, rút tiền mặt tại POS được lắp đặt tại tổ chức thanh toán thẻ, sử dụng các dịch vụ khác từ hệ thống ATM, hệ thống điểm chấp nhận thẻ của PVcomBank và các ngân hàng khác có hệ thống thẻ kết nối với hệ thống thẻ của PVcomBank dưới hình thức kết nối trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc một số tổ chức trung gian.
3. Để thực hiện giao dịch mua hàng hóa, Chủ thẻ phải cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin cần thiết mà PVcomBank yêu cầu để phê duyệt giao dịch. PVcomBank có quyền ghi nợ tài khoản thẻ tín dụng đối với bất kỳ số tiền giao dịch nào được thực hiện bởi Chủ thẻ.

4. PVcomBank không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với bất kỳ tranh chấp nào về hàng hóa dịch vụ giữa Chủ thẻ và đơn vị chấp nhận thẻ hoặc giao dịch Thẻ bị từ chối bởi đơn vị chấp nhận thẻ ngay cả khi giao dịch nằm trong hạn mức Thẻ tín dụng sẵn có. Khiếu nại của Chủ thẻ đối với đơn vị chấp nhận thẻ không loại trừ các nghĩa vụ thanh toán của Chủ thẻ đối với PVcomBank.
5. PVcomBank có quyền giới hạn giá trị của mỗi giao dịch rút tiền mặt và/hoặc tổng giá trị các giao dịch rút tiền mặt trên thẻ tín dụng.
6. Chủ thẻ cũng có thể sử dụng thông tin Thẻ và thông qua các yếu tố xác thực chủ thẻ như PIN và/hoặc CVV2/CVC2 hoặc các yếu tố xác thực chủ thẻ khác (nếu có) để thực hiện giao dịch trên Internet và các giao dịch khác đăng ký với PVcomBank (việc đăng ký các giao dịch này tuân theo quy định của PVcomBank từng thời kỳ).
7. Chủ thẻ nhận thức đầy đủ và chịu trách nhiệm khi thực hiện các giao dịch bằng Thẻ và hoàn toàn chịu mọi rủi ro phát sinh từ và/hoặc liên quan đến quá trình thực hiện các giao dịch trong phạm vi sử dụng thẻ, đồng thời chịu trách nhiệm bảo mật các yếu tố xác thực Chủ thẻ.

III. PHÍ VÀ TỶ GIÁ

1. **Các loại phí:** Chủ thẻ phải trả các loại phí liên quan đến Thẻ, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các loại phí sau:
 - 1.1. Phí phát hành Thẻ: Khoản phí Chủ thẻ phải trả trên cơ sở một Đề nghị phát hành thẻ mới và được PVcomBank chấp nhận.
 - 1.2. Phí thay đổi hạng thẻ/loại thẻ: Khoản phí Chủ thẻ phải trả khi PVcomBank chấp nhận yêu cầu thay đổi loại thẻ/hạng thẻ của Chủ thẻ nhưng không thay đổi hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ đang có hiệu lực.
 - 1.3. Phí phát hành lại thẻ: Khoản phí Chủ thẻ phải trả khi Chủ thẻ phát hành lại thẻ do hư hỏng, mất cắp, thất lạc... và không thay đổi hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ đang có hiệu lực.
 - 1.4. Phí dịch vụ phát hành nhanh: Khoản phí Chủ thẻ phải trả (chưa bao gồm các loại phí phát hành liên quan) khi Chủ thẻ yêu cầu lấy Thẻ trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày Chủ thẻ hoàn thành thủ tục phát hành và hồ sơ đề nghị phát hành thẻ được PVcomBank chấp thuận.
 - 1.5. Phí thường niên: Khoản phí Chủ thẻ phải trả hàng năm để duy trì việc sử dụng Thẻ.
 - 1.6. Phí rút tiền mặt: Khoản phí Chủ thẻ phải trả khi thực hiện các giao dịch rút tiền mặt tại ATM hoặc POS được lắp đặt tại chi nhánh, phòng giao dịch của PVcomBank.
 - 1.7. Phí tra soát, khiếu nại: Khoản phí Chủ thẻ phải trả khi yêu cầu tra soát, khiếu nại không chính xác.
 - 1.8. Phí quản lý chi tiêu ngoại tệ: Khoản phí Chủ thẻ phải trả khi thực hiện các giao dịch bằng các loại tiền tệ không phải đồng Việt Nam.
 - 1.9. Phí vượt hạn mức: Khoản phí Chủ thẻ phải trả khi dư nợ Thẻ vượt quá hạn mức Thẻ tín dụng được cấp.

- 1.10. Phí thay đổi hạn mức Thẻ tín dụng/Hạn mức Thẻ tín dụng tạm thời: Khoản phí Chủ thẻ phải trả khi Chủ thẻ yêu cầu tăng hoặc giảm hạn mức Thẻ tín dụng và được PVcomBank chấp nhận.
- 1.11. Phí chậm thanh toán: Khoản phí Chủ thẻ phải trả khi Chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán số tiền nhỏ hơn Số tiền thanh toán tối thiểu sau Ngày đến hạn thanh toán.
- 1.12. Phí cấp bản Sao kê theo yêu cầu: Khoản phí Chủ thẻ phải trả khi Chủ thẻ yêu cầu cung cấp bản Sao kê bằng văn bản in.
- 1.13. Phí cấp bản sao hóa đơn giao dịch: Khoản phí Chủ thẻ phải trả khi Chủ thẻ yêu cầu cung cấp bản sao của hóa đơn giao dịch gốc.
- 1.14. Phí xác nhận thông tin thẻ tín dụng: Khoản phí Chủ thẻ phải trả khi Chủ thẻ yêu cầu PVcomBank xác nhận bằng văn bản các thông tin liên quan đến Thẻ và giao dịch Thẻ.
- 1.15. Phí xử lý giao dịch: Khoản phí Chủ thẻ phải trả khi Chủ thẻ thực hiện giao dịch bằng đồng ngoại tệ khác đồng Việt Nam.
- 1.16. Phí cấp lại PIN: Khoản phí Chủ thẻ phải trả khi yêu cầu cấp lại PIN và được PVcomBank chấp thuận.
- 1.17. Phí thông báo thất lạc thẻ: Khoản phí Chủ thẻ phải trả khi Chủ thẻ thông báo (bằng văn bản theo mẫu của PVcomBank) thẻ bị mất cắp, thất lạc và đăng ký thông tin thẻ mất cắp/thất lạc đó lên hệ thống của tổ chức thẻ quốc tế.
- 1.18. Phí đóng thẻ trước hạn: Khoản phí Chủ thẻ phải trả khi đóng thẻ trong vòng 6 tháng kể từ ngày phát hành thẻ.
- 1.19. Phí chọn số thẻ theo yêu cầu: Khoản phí Chủ thẻ phải trả khi Chủ thẻ yêu cầu PVcomBank cung cấp số thẻ theo yêu cầu của Chủ thẻ.
- 1.20. Phí thay đổi hình thức bảo đảm phát hành Thẻ: Khoản phí Chủ thẻ phải trả cho PVcomBank khi yêu cầu PVcomBank thay đổi hình thức bảo đảm phát hành Thẻ từ Có TSBĐ sang Không có TSBĐ hoặc ngược lại.
- 1.21. Các loại phí khác: Tuân theo quy định của PVcomBank tại từng thời kỳ.
- 1.22. Chi tiết các loại phí được quy định tại biểu phí do PVcomBank ban hành và là một phần không thể tách rời của bản Điều Khoản Và Điều Kiện này. Biểu phí do PVcomBank ban hành trong từng thời kỳ được niêm yết công khai tại Trụ sở của PVcomBank và trên website chính thức của PVcomBank. Khi có sự thay đổi mức phí, PVcomBank sẽ thực hiện thông báo và cung cấp thông tin về phí cho Chủ thẻ qua thư điện tử hoặc số điện thoại mà Chủ thẻ đã đăng ký hoặc qua các hình thức khác mà PVcomBank cho là phù hợp. Tối thiểu là 07 (bảy) ngày tính đến ngày áp dụng các thay đổi về Biểu phí hoặc thời gian khác theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ, PVcomBank sẽ thông báo tới Chủ thẻ về thời điểm áp dụng thay đổi Biểu phí.
2. **Tỷ giá quy đổi:** Tất cả các giao dịch được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá do TCTQT cung cấp vào ngày xử lý giao dịch của TCTQT.

IV. LÃI SUẤT THẺ VÀ CÁCH TÍNH LÃI

1. **Lãi suất cấp tín dụng qua Thẻ:** Áp dụng đối với dư nợ Thẻ bao gồm lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn do PVcomBank ban hành và được thay đổi theo từng thời kỳ phù hợp với quy định pháp luật và quy định nội bộ của PVcomBank.
2. **Cách tính lãi Thẻ:**
- 2.1 **Công thức tính lãi Thẻ**

$$\text{Lãi Thẻ} = (\text{Dư nợ gốc và phí phát sinh (nếu có)}) \times \text{Số ngày tính lãi} \times \text{Lãi suất Thẻ} / 365.$$

Trong đó:

- (i) **Dư nợ gốc:** là tổng giá trị các giao dịch Thẻ của Khách Hàng phát sinh trong Kỳ sao kê (bao gồm các giao dịch rút tiền mặt; thanh toán hàng hóa, dịch vụ và các dịch vụ khác do PVcomBank cung ứng trong từng thời kỳ).
- (ii) **Phí phát sinh:** là tất cả các khoản phí KH phải trả khi sử dụng dịch vụ Thẻ do PVcomBank cung cấp (trừ phí thường niên) theo quy định của PVcomBank.
- (iii) **Số ngày tính lãi:** được xác định từ ngày tiếp theo ngày Giao dịch Thẻ được ghi nhận vào Hệ thống quản lý thẻ của PVcomBank đến hết ngày KH thanh toán hết toàn bộ Dư nợ Thẻ.
- (iv) **Lãi suất Thẻ:** là Lãi suất Thẻ trong hạn hoặc Lãi suất Thẻ quá hạn (tùy từng trường hợp). Trong đó:
 - **Lãi suất Thẻ trong hạn:** là lãi suất tính trên Dư nợ gốc/một phần Dư nợ gốc và phí phát sinh (nếu có)¹ theo thỏa thuận giữa PVcomBank với KH. Lãi suất Thẻ trong hạn áp dụng đối dư nợ trong hạn và dư nợ quá hạn từ 1 đến 90 ngày hoặc theo quy định của PVcomBank trong từng thời kỳ và được PVcomBank niêm yết công khai tại các điểm giao dịch và/hoặc trên website của PVcomBank (www.pvcombank.com.vn).
 - **Lãi suất Thẻ quá hạn:** bằng 150% Lãi suất Thẻ trong hạn. Lãi suất Thẻ quá hạn áp dụng đối với Dư nợ gốc và/hoặc phí phát sinh² (nếu có) bị quá hạn trên 90 ngày (từ ngày 91 trở đi). Tại kỳ sao kê phát sinh lãi quá hạn, hệ thống quản lý Thẻ của PVcomBank sẽ dừng tính phí phạt chậm thanh toán và phí vượt hạn mức (nếu có).

3. **Nguyên tắc tính lãi Thẻ:**

- 3.1. Các giao dịch sử dụng thẻ sẽ bị tính lãi: giao dịch rút tiền mặt, giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ và các giao dịch khác phát sinh theo quy định của PVcomBank trong từng thời kỳ, các loại phí phát sinh khi sử dụng Thẻ (phí phát sinh không bao gồm phí thường niên).
- 3.2. Đối với giao dịch thanh toán hàng hóa: nếu Chủ thẻ thanh toán đầy đủ và đúng hạn toàn bộ số Dư nợ (bao gồm: dư nợ phát sinh từ giao dịch rút tiền mặt, giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ, tiền lãi phát sinh từ giao dịch rút tiền mặt, tiền phí của kỳ sao kê đó), Chủ thẻ sẽ được miễn lãi cho toàn bộ giao dịch thanh toán hàng hóa dịch vụ trong kỳ sao kê.

¹ Phí phát sinh không bao gồm phí thường niên của thẻ tín dụng

² Phí phát sinh không bao gồm phí thường niên của thẻ tín dụng

- 3.3. Đối với giao dịch rút tiền mặt: Dư nợ của giao dịch rút tiền mặt sẽ bị tính lãi từ ngày giao dịch được cập nhật vào Hệ thống quản lý Thẻ của PVcomBank cho đến ngày Chủ thẻ thanh toán toàn bộ số tiền rút tiền mặt (không phụ thuộc vào ngày sao kê).
- 3.4. Nếu Chủ thẻ không thanh toán hoặc chỉ thanh toán một phần số Dư nợ cuối kỳ (*bao gồm: dư nợ của kỳ trước, dư nợ phát sinh từ giao dịch rút tiền mặt, giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ, tiền lãi, các khoản phí liên quan đến việc sử dụng Thẻ của kỳ sao kê đó*) hoặc thanh toán nợ sau Ngày đến hạn, PVcomBank sẽ tính lãi trên toàn bộ Dư nợ cuối kỳ tính từ ngày các giao dịch được cập nhật vào Hệ thống quản lý Thẻ của PVcomBank đến ngày Chủ thẻ thanh toán một phần số tiền giao dịch hoặc toàn bộ Dư nợ; các giao dịch còn lại chưa thanh toán sẽ tiếp tục được tính lãi cho đến khi được thanh toán và các khoản lãi này được thể hiện trên kỳ sao kê tiếp theo.
- 3.5. Chi tiết hướng dẫn cách tính lãi Thẻ tín dụng, Khách hàng có thể tham khảo chi tiết tại website của PVcomBank.

V. THANH TOÁN DƯ NỢ THẺ

1. Tổng kết giao dịch:

- 1.1. PVcomBank quy định Ngày sao kê đối với mỗi loại thẻ tín dụng cụ thể;
- 1.2. Vào Ngày sao kê, PVcomBank sẽ liệt kê tất cả các giao dịch của (các) Chủ thẻ phát sinh trong Kỳ sao kê đã được cập nhật trên Hệ thống quản lý thẻ của PVcomBank. Các giao dịch ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam với tỷ giá theo quy định của PVcomBank tại thời điểm Giao dịch được cập nhật vào Hệ thống quản lý thẻ của PVcomBank. PVcomBank sẽ thu các loại phí phát sinh theo quy định từng thời kỳ;
- 1.3. PVcomBank sẽ gửi Sao kê cho Chủ thẻ qua email mà Chủ thẻ đã đăng ký với PVcomBank hoặc theo các phương thức khác mà PVcomBank quy định trong từng thời kỳ.
- 1.4. Chủ thẻ có trách nhiệm kiểm tra tất cả các khoản nợ phát sinh ghi trên Sao kê. Khi phát hiện hoặc nghi ngờ có về sai sót về giao dịch thẻ, Chủ thẻ được quyền đề nghị tra soát, khiếu nại đến PVcomBank theo các phương thức (i) gọi điện đến tổng đài điện thoại của PVcomBank hoặc (ii) qua các điểm giao dịch của PVcomBank. Việc xử lý tra soát, khiếu nại giao dịch thẻ thực hiện theo quy định của PVcomBank.

2. Số tiền thanh toán: Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán đúng hạn cho PVcomBank tất cả các khoản nợ phát sinh ghi trên Sao kê, mức ít nhất bằng Số tiền thanh toán tối thiểu.

3. Thực hiện thanh toán:

- 3.1. Việc thanh toán của Chủ thẻ chỉ được coi là thành công khi Hệ thống quản lý thẻ của PVcomBank ghi nhận được giao dịch của Chủ thẻ;
- 3.2. Trường hợp Chủ thẻ đăng ký trích nợ tự động theo các hình thức do PVcomBank quy định, Chủ thẻ ủy quyền cho PVcomBank tự động ghi nợ, trích tiền từ tài khoản thanh toán của Chủ thẻ mở tại PVcomBank để thanh toán giá trị Dư nợ theo đăng ký của Chủ thẻ. Chủ thẻ phải đảm bảo tài khoản đăng ký này luôn đủ số dư cần thiết để PVcomBank ghi nợ trong khoảng thời gian từ sau Ngày sao kê đến Ngày đến hạn thanh toán.

- 3.3. PVcomBank có quyền trích nợ toàn bộ giá trị Dư nợ mà Chủ thẻ đã đăng ký từ tài khoản đăng ký trong bất kỳ thời điểm nào sau Ngày sao kê và trước Ngày đến hạn thanh toán. Nếu trong khoảng thời gian này, số dư trong tài khoản đăng ký không đủ để PVcomBank trích nợ giá trị Dư nợ theo đăng ký của Chủ thẻ với PVcomBank, Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán trực tiếp cho PVcomBank phần Dư nợ còn thiếu và phải chịu các khoản lãi, phí phát sinh (nếu có).

4. Thứ tự thanh toán:

4.1 Đối với Dư nợ trong hạn/Dư nợ quá hạn từ 1 ngày đến 90 ngày:

a. Thứ tự thanh toán: Thanh toán từ kỳ sao kê xa nhất đến kỳ sao kê gần nhất theo nguyên tắc quy định tại Điểm b Khoản này;

b. Thứ tự thanh toán trong kỳ sao kê: Thanh toán theo loại giao dịch trong từng kỳ sao kê như sau:

(1) *Phí trả góp;*

(2) *Dư nợ Gốc trả góp;*

(3) *Phí;*

(4) *Lãi;*

(5) *Dư nợ gốc giao dịch rút tiền mặt;*

(6) *Dư nợ gốc giao dịch thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ qua POS, ecommerce....*

4.2 Đối với Dư nợ quá hạn trên 90 ngày: Thứ tự thanh toán như sau: (1) Gốc; (2) Lãi; (3) Phí.

4.3 Trên cơ sở không trái các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, PVcomBank có thể thay đổi thứ tự thanh toán nêu trên. Nếu quy định pháp luật có quy định về thứ tự thu nợ thì tuân theo quy định pháp luật.

VI. CÁC TRƯỜNG HỢP TẠM KHOÁ, THU HỒI, TỪ CHỐI THANH TOÁN, TẠM DỪNG GIAO DỊCH VÀ CHẤM DỨT SỬ DỤNG THẺ

1. Tạm Khoá giao dịch Thẻ, Thu hồi Thẻ:

1.1. PVcomBank có quyền khóa thẻ tạm thời khi xảy ra một hoặc đồng thời những sự kiện sau đây:

1.1.1. Khi phát hiện chủ thẻ có dấu hiệu vi phạm các Sự Kiện Vi Phạm;

1.1.2. Chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số dư tối thiểu trong vòng trên 30 ngày trở lên;

1.1.3. Thẻ bị giả mạo hoặc nghi ngờ Thẻ của Chủ thẻ bị lợi dụng, giả mạo;

1.1.4. PVcomBank nhận được thông báo từ tổ chức thẻ quốc tế về danh sách Thẻ nghi ngờ, hoặc dữ liệu thẻ bị lộ thông tin;

1.1.5. Khi Chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số dư tối thiểu trong vòng trên 30 ngày đến dưới 90 ngày kể từ đến hạn thanh toán;

1.1.6. Theo yêu cầu khóa Thẻ tạm thời từ phía chủ thẻ (áp dụng với cả thẻ chính và/hoặc thẻ phụ);

1.1.7. Các trường hợp khác theo quy định của PVcomBank.

1.2. PVcomBank có quyền khóa thẻ vĩnh viễn khi xảy ra một hoặc đồng thời những sự kiện sau đây:

1.2.1. Khi Chủ thẻ vi phạm các Điều Khoản và Điều Kiện này;

- 1.2.2. Chủ thẻ chết hoặc bị tòa án có thẩm quyền tuyên bố là đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự;
- 1.2.3. Chủ thẻ chính liên quan đến vụ kiện, vụ án mà theo PVcomBank có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc trả nợ của Chủ thẻ;
- 1.2.4. Tài sản của Chủ thẻ chính bị kê biên, phong tỏa, cầm giữ;
- 1.2.5. PVcomBank phát hiện Chủ thẻ giả mạo tài liệu, thông tin cung cấp khi mở Thẻ;
- 1.2.6. Thẻ sử dụng để thực hiện các giao dịch bị cấm: các giao dịch cho mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố, lừa đảo, gian lận và các hành vi vi phạm pháp luật khác;
- 1.2.7. Các trường hợp mà PVcomBank có cơ sở cho rằng nếu để Chủ thẻ tiếp tục sử dụng Thẻ có thể gây cho PVcomBank bị tổn thất trong tương lai;
- 1.2.8. Các trường hợp liên quan đến giao dịch giả mạo, quản lý rủi ro;
- 1.2.9. Thẻ nằm trong danh sách thẻ đen theo quy định của Tổ chức thẻ quốc tế;
- 1.2.10. Thẻ bị thất lạc trong quá trình giao nhận;
- 1.2.11. Chủ thẻ không kích hoạt Thẻ sau 180 ngày kể từ khi Thẻ được phát hành;
- 1.2.12. Chủ thẻ chính có nợ quá hạn Thẻ từ 90 ngày trở lên tại PVcomBank;
- 1.2.13. Các sự kiện khác mà theo đánh giá của PVcomBank là có khả năng ảnh hưởng đến khả năng trả nợ đầy đủ, đúng hạn của Chủ thẻ;
- 1.2.14. Các trường hợp khác theo quy định của PVcomBank và Pháp luật.

1.3. PVcomBank có quyền thu hồi thẻ khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- 1.3.1. Thẻ giả;
- 1.3.2. Thẻ sử dụng trái phép;
- 1.3.3. Phục vụ công tác điều tra, xử lý tội phạm theo quy định của pháp luật;
- 1.3.4. Các trường hợp khác theo quy định của PVcomBank phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Từ chối thanh toán, tạm dừng giao dịch Thẻ

- 2.1 Từ ngày 01/01/2025, PVcomBank có quyền tạm dừng các giao dịch trên Thẻ tín dụng đối với KH khi Giấy tờ tùy thân của KH hết hiệu lực/hết thời hạn sử dụng.
- 2.2 Từ ngày 01/01/2025, PVcomBank có quyền tạm dừng các giao dịch bằng phương tiện điện tử qua thẻ tín dụng (như: giao dịch ecommerce và các giao dịch bằng phương tiện điện tử khác) khi KH chưa hoàn thành việc đối chiếu khớp đúng giấy tờ tùy thân và thông tin sinh trắc học của Chủ thẻ với:
 - (i) Dữ liệu sinh trắc học được lưu trong bộ phận lưu trữ thông tin được mã hóa của thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước của người đó đã được xác thực chính xác là do cơ quan Công an cấp hoặc thông qua xác thực tài khoản định danh điện tử của người đó do Hệ thống định danh và xác thực điện tử (VNeID) tạo lập; hoặc
 - (ii) Dữ liệu sinh trắc học được thu thập thông qua gặp mặt trực tiếp người đó đối với trường hợp là người nước ngoài không sử dụng danh tính điện tử, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch; hoặc

- (iii) Dữ liệu sinh trắc học đã được thu thập và kiểm tra (đảm bảo sự khớp đúng giữa dữ liệu sinh trắc học của người đó với dữ liệu sinh trắc học trong bộ phận lưu trữ thông tin được mã hóa của thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước đã được xác thực chính xác là do cơ quan Công an cấp hoặc với dữ liệu sinh trắc học của người đó thông qua xác thực tài khoản định danh điện tử do Hệ thống định danh và xác thực điện tử (VNelD) tạo lập; hoặc
- (iv) Dữ liệu sinh trắc học của người đó được lưu trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trong trường hợp sử dụng thẻ căn cước công dân không có bộ phận lưu trữ thông tin được mã hóa.

3. Chấm dứt sử dụng Thẻ

- 3.1 Các bên có thể chấm dứt sử dụng thẻ trong trường hợp: (i) PVcomBank đơn phương chấm dứt cung cấp dịch vụ thẻ và/hoặc chấm dứt Hợp Đồng Tín Dụng theo Điều Khoản Và Điều Kiện này; hoặc (ii) Chủ thẻ gửi thông báo bằng văn bản đề nghị chấm dứt sử dụng Thẻ và gửi trả thẻ cho PVcomBank; hoặc (iii) Chủ thẻ có yêu cầu khóa thẻ vĩnh viễn, đã thanh toán hết Dư nợ và không có yêu cầu phát hành lại thẻ trong vòng 90 ngày kể từ ngày khóa thẻ; hoặc (iv) các trường hợp khác theo thỏa thuận hoặc theo quy định pháp luật;
- 3.2 Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán tất cả các khoản giao dịch trước thời điểm Thẻ bị chấm dứt sử dụng và các khoản phát sinh (nếu có) chưa được cập nhật trên tài khoản thẻ theo thông báo của PVcomBank. PVcomBank chỉ thực hiện giải chấp tài sản bảo đảm (nếu có) sau ít nhất 45 ngày kể từ ngày yêu cầu chấm dứt sử dụng Thẻ của Chủ thẻ có hiệu lực và Chủ thẻ đã thanh toán mọi nghĩa vụ được bảo đảm bằng tài sản bảo đảm với PVcomBank hoặc theo quy định của PVcomBank trong từng thời kỳ;
- 3.3 Việc chấm dứt Hợp Đồng Tín Dụng có hiệu lực khi Chủ thẻ thanh toán toàn bộ Dư nợ và các tra soát, khiếu nại của Chủ thẻ (nếu có) đã được giải quyết xong. Thời hạn để xử lý yêu cầu chấm dứt sử dụng Thẻ là 02 kỳ sao kê kể từ ngày nhận được yêu cầu từ Chủ thẻ;
- 3.4 Khi chấm dứt sử dụng thẻ theo yêu cầu của Chủ thẻ hoặc PVcomBank thì toàn bộ Dư nợ là đến hạn và Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán mọi chi phí phát sinh đến thời điểm đó. Nếu Chủ thẻ đã chấm dứt sử dụng Thẻ nhưng vẫn dùng Thẻ để giao dịch thì Chủ thẻ vẫn phải có trách nhiệm thanh toán các giao dịch này và các khoản lãi, phí phát sinh theo quy định của PVcomBank;
- 3.5 Trong trường hợp chủ thẻ sử dụng để đăng ký dịch vụ thanh toán định kỳ hoặc ghi nợ định kỳ với các đơn vị chấp nhận thẻ, các dịch vụ này vẫn tiếp tục được duy trì khi Chủ thẻ chấm dứt sử dụng thẻ tại PVcomBank. Chủ thẻ có trách nhiệm thông báo hủy dịch vụ thanh toán định kỳ hoặc ghi nợ định kỳ theo trình tự do đơn vị chấp nhận thẻ quy định;
- 3.6 Việc chấm dứt sử dụng của Chủ thẻ phụ không ảnh hưởng đến việc sử dụng của Chủ thẻ chính.

VII. QUY ĐỊNH VỀ XỬ LÝ TRA SOÁT, KHIẾU NẠI TRONG QUÁ TRÌNH SỬ DỤNG THẺ

- 1. Khi mất thẻ hoặc lộ thông tin thẻ, Chủ thẻ phải thông báo ngay cho PVcomBank bằng văn bản hoặc gọi điện thoại đến số điện thoại hotline của PVcomBank trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ kể từ thời điểm phát sinh. PVcomBank sẽ tiếp nhận và phản hồi lại cho Chủ thẻ về

việc xử lý thông báo không quá 05 (năm) ngày làm việc đối với thẻ có BIN (Mã tổ chức phát hành thẻ - Bank Identification Number) do Ngân hàng Nhà nước cấp hoặc 10 (mười) ngày làm việc đối với thẻ có BIN do TCTQT cấp kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ thẻ.

2. Khi phát hiện có sai sót hoặc nghi ngờ có sai sót về giao dịch thẻ, Chủ thẻ có quyền yêu cầu PVcomBank tra soát. Chủ thẻ có quyền đề nghị tra soát, khiếu nại với PVcomBank trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày phát sinh giao dịch đề nghị tra soát, khiếu nại. PVcomBank sẽ tiếp nhận thông tin tra soát, khiếu nại của Khách hàng qua tổng đài điện thoại hotline của PVcomBank hoặc tại các điểm giao dịch hợp pháp của PVcomBank. PVcomBank sẽ trả lời kết quả tra soát, khiếu nại cho Chủ thẻ trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đề nghị tra soát, khiếu nại lần đầu của Chủ thẻ theo hình thức trả lời trực tiếp bằng văn bản hoặc gọi điện từ số điện thoại tổng đài hotline của PVcomBank.
3. Đối với trường hợp tổn thất phát sinh không do lỗi của Chủ thẻ và/hoặc không thuộc các trường hợp Bất khả kháng theo quy định tại Điều Khoản Và Điều Kiện này: PVcomBank thực hiện bồi hoàn cho Chủ thẻ trong thời hạn tối đa 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày thông báo kết quả tra soát, khiếu nại cho Chủ thẻ. Trường hợp tổn thất phát sinh do lỗi của các bên liên quan (Tổ chức trung gian thanh toán, Tổ chức thẻ quốc tế, Đơn vị chấp nhận thẻ, Tổ chức thanh toán thẻ), bên có lỗi thực hiện bồi hoàn cho PVcomBank theo thỏa thuận giữa các bên phù hợp với quy định của pháp luật.
4. Đối với trường hợp không xác định được nguyên nhân/lỗi thuộc về bên nào: trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc sau khi hết thời hạn xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại theo quy định tại Điều 2 Mục VII này, PVcomBank sẽ thỏa thuận với Chủ thẻ về phương án xử lý hoặc tạm thời bồi hoàn tổn thất cho Chủ thẻ cho đến khi có kết luận cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền phân định rõ lỗi và trách nhiệm của các bên. Trong trường hợp có kết luận của cơ quan có thẩm quyền về tổn thất phát sinh do lỗi của Chủ thẻ, Chủ thẻ có trách nhiệm hoàn trả lại PVcomBank toàn bộ số tiền mà PVcomBank đã tạm ứng.
5. Trong trường hợp PVcomBank, Chủ thẻ và các bên liên quan không thỏa thuận được hoặc không đồng ý với kết quả xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại thì việc giải quyết tranh chấp được thực hiện theo quy định của pháp luật.
6. Trường hợp vụ việc có dấu hiệu tội phạm, PVcomBank thực hiện thông báo cho Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự và báo cáo Ngân hàng Nhà nước, đồng thời thông báo bằng văn bản cho Chủ thẻ về tình trạng xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại. Trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo kết quả giải quyết không có yếu tố tội phạm, trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày có kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, PVcomBank thỏa thuận với Chủ thẻ về phương án xử lý kết quả tra soát, khiếu nại.

VIII. ĐẢM BẢO AN TOÀN, BẢO MẬT TRONG SỬ DỤNG THẺ

1. PVcomBank (hoặc phối hợp với các Tổ chức thanh toán thẻ, tổ chức chuyển mạch thẻ, tổ chức bù trừ điện tử giao dịch thẻ) thực hiện các biện pháp nhằm đảm bảo an toàn trong hoạt

động thẻ; thực hiện quản lý rủi ro đối với bên liên quan khác theo các nguyên tắc quản lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng điện tử, bảo mật thông tin liên quan đến hoạt động thẻ, bảo đảm hệ thống cơ sở hạ tầng, kỹ thuật phục vụ quản lý hoạt động phát hành thẻ, thanh toán thẻ luôn an toàn.

2. PVcomBank thiết lập, duy trì đường dây nóng (1900 5555 92) liên tục hoạt động 24/24 giờ trong ngày và 7/7 ngày trong tuần để tiếp nhận, xử lý kịp thời các thông tin phản ánh của chủ thẻ.
3. Chủ thẻ phải phải bảo quản thẻ, bảo mật PIN, các mã số xác nhận chủ thẻ khác, các thông tin thẻ, thông tin giao dịch, không để lộ thông tin thẻ; thông báo và phối hợp với PVcomBank để xử lý khi xảy ra các trường hợp mất thẻ hoặc có yêu cầu tra soát, khiếu nại. Bất kỳ việc sử dụng thẻ với PIN và/hoặc OTP/etoken dù được thực hiện bởi Chủ thẻ và/hoặc bất kỳ người nào khác đều được xem là do chính Chủ thẻ sử dụng/thực hiện và Chủ thẻ phải có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ hoặc gánh chịu bất kỳ hậu quả nào phát sinh từ các giao dịch đó.

IX. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

1. Quyền và trách nhiệm của Chủ thẻ:

1.1. Quyền của Chủ thẻ:

- 1.1.1. Được sử dụng thẻ theo quy định Điều Khoản Và Điều Kiện này;
- 1.1.2. Được quyền yêu cầu PVcomBank cung cấp thông tin định kỳ hoặc đột xuất về giao dịch thẻ và số dư, hạn mức liên quan đến việc sử dụng Thẻ theo quy định của PVcomBank;
- 1.1.3. Có quyền yêu cầu tra soát, khiếu nại về các sai sót, vi phạm (nếu có) trong quá trình sử dụng Thẻ theo quy định của pháp luật;
- 1.1.4. Được quyền yêu cầu khóa thẻ tạm thời, khóa thẻ vĩnh viễn;
- 1.1.5. Được quyền yêu cầu PVcomBank hoàn trả số tiền chưa sử dụng hết trên Thẻ sau khi đã trừ đi tất cả các khoản phải thanh toán của Chủ Thẻ cho PVcomBank.
- 1.1.6. Các quyền khác theo quy định tại Điều Khoản Và Điều Kiện này và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

1.2. Trách nhiệm của Chủ thẻ:

Ngoài các trách nhiệm khác quy định tại bản Điều Khoản Và Điều Kiện này, Chủ thẻ có các trách nhiệm sau:

- 1.2.1. Chủ thẻ chịu mọi trách nhiệm và nghĩa vụ liên quan đến Thẻ tín dụng thông qua việc sử dụng Thẻ tín dụng mà Chủ thẻ được cấp
- 1.2.2. Chủ thẻ cam kết tuân thủ đúng các quy định khác của PVcomBank liên quan đến việc quản lý và sử dụng Thẻ tín dụng của Chủ thẻ.
- 1.2.3. Cung cấp đầy đủ, chính xác các hồ sơ, giấy tờ, thông tin cần thiết theo yêu cầu của PVcomBank khi đề nghị phát hành Thẻ và trong quá trình sử dụng Thẻ;

- 1.2.4. Sử dụng hạn mức Thẻ theo đúng mục đích thanh toán hàng hóa, dịch vụ, rút tiền mặt hoặc thực hiện các giao dịch được phép khác. Chủ thẻ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sử dụng hạn mức Thẻ không đúng mục đích;
- 1.2.5. Nhận Thẻ và kích hoạt Thẻ trong vòng 180 ngày (hoặc một thời hạn khác theo quy định của PVcomBank) kể từ khi Thẻ được phát hành. Quá thời gian này, Thẻ sẽ bị hủy và Chủ thẻ phải chịu khoản phí phát hành và phí thường niên năm đầu tiên của Thẻ;
- 1.2.6. Kích hoạt thẻ theo hình thức đã đăng ký và chịu mọi rủi ro phát sinh;
- 1.2.7. Chịu trách nhiệm quản lý Thẻ và bảo mật PIN. Chủ thẻ không được chuyển nhượng hoặc cho mượn Thẻ, không được tiết lộ PIN cho bất kỳ bên nào khác;
- 1.2.8. Ký chữ ký mẫu vào dải băng chữ ký ở mặt sau Thẻ ngay khi nhận Thẻ;
- 1.2.9. Ngay lập tức thông báo cho PVcomBank khi thẻ bị mất cắp, thất lạc, lộ PIN hoặc nghi ngờ Thẻ đang bị lợi dụng và thanh toán các khoản phí phát sinh, nếu có;
- 1.2.10. Thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản vay, lãi, phí phát sinh do việc sử dụng Thẻ theo sao kê do PVcomBank cung cấp. Trong trường hợp Chủ thẻ có thực hiện giao dịch thẻ nhưng không nhận được hoặc chậm nhận được sao kê, Chủ thẻ vẫn có trách nhiệm thanh toán các khoản vay, lãi, phí phát sinh do việc sử dụng thẻ theo quy định nếu PVcomBank cung cấp được các bằng chứng về việc đã gửi sao kê cho Chủ thẻ;
- 1.2.11. Hoàn trả ngay lập tức và vô điều kiện cho PVcomBank theo yêu cầu của PVcomBank đối với các khoản mà Chủ thẻ thanh toán/rút thừa, vượt quá hạn mức Thẻ tín dụng, giao dịch ghi có nhằm vào tài khoản của Chủ thẻ, giao dịch tra soát khiếu nại tại ATM và đơn vị chấp nhận thẻ đã được tạm ứng cho Chủ thẻ và các giao dịch nhằm lẫn khác mà Chủ thẻ không chứng minh được quyền sở hữu hợp pháp. PVcomBank được quyền trích nợ để thu hồi các khoản nợ này mà không cần thông báo cho Chủ thẻ;
- 1.2.12. Không sử dụng lại Thẻ mà Chủ thẻ đã thông báo cho PVcomBank là bị mất cắp, thất lạc;
- 1.2.13. Không sử dụng thẻ cho các giao dịch trái phép, bất hợp pháp theo quy định của pháp luật hiện hành. PVcomBank có quyền từ chối xử lý hoặc thanh toán trong các trường hợp nêu trên;
- 1.2.14. Hoàn trả lại Thẻ cho PVcomBank khi tìm lại Thẻ đã báo mất cắp, thất lạc trước đó; khi Thẻ hết hạn sử dụng; khi Chủ thẻ không có nhu cầu tiếp tục sử dụng Thẻ; và các trường hợp khác theo yêu cầu của PVcomBank;
- 1.2.15. Công nhận các hóa đơn, chứng từ liên quan đến giao dịch thẻ đã được hệ thống PVcomBank ghi nhận và cung cấp. Chủ thẻ chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ các giao dịch có chữ ký và/hoặc sử dụng PIN của Thẻ và các giao dịch khác nếu PVcomBank cung cấp được bằng chứng về việc Thẻ được thực hiện giao dịch mà không cần chữ ký của Chủ thẻ;
- 1.2.16. Chủ thẻ chính phải chịu trách nhiệm với PVcomBank về việc sử dụng Thẻ của chủ thẻ phụ;
- 1.2.17. Chịu trách nhiệm giải quyết các mâu thuẫn với đơn vị chấp nhận thẻ về các vấn đề liên quan đến giao dịch thẻ mà không trì hoãn việc thanh toán vào Ngày đến hạn thanh toán;

- 1.2.18. Sử dụng thẻ trong hạn mức Thẻ tín dụng được cấp và có trách nhiệm trả phí theo quy định của PVcomBank khi sử dụng Thẻ quá hạn mức Thẻ tín dụng được cấp;
- 1.2.19. Thanh toán số tiền Giao dịch thẻ tranh chấp và các khoản phí phát sinh theo quy định của tổ chức thẻ quốc tế khi tranh chấp được đưa ra trọng tài quốc tế và trọng tài quốc tế xử Chủ thẻ thua kiện.
- 1.2.20. Thông báo ngay cho PVcomBank bằng văn bản thay đổi về những thông tin đã cung cấp tại Hợp Đồng Tín Dụng hoặc các thông tin khác theo yêu cầu của PVcomBank;
- 1.2.21. Tuân thủ các quy định, chính sách hiện hành của PVcomBank liên quan đến việc cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng; trong trường hợp các quy định, chính sách này có thay đổi, Chủ thẻ cam kết sẽ thực hiện theo đúng các quy định, chính sách đã được thay đổi đó đúng theo thời hạn do PVcomBank thông báo;
- 1.2.22. Chủ thẻ đồng ý rằng đối với các yêu cầu về tra soát khiếu nại về dịch vụ thẻ, Chủ thẻ có trách nhiệm thực hiện yêu cầu, nếu có bằng văn bản trong vòng 35 ngày kể từ ngày giao dịch phát sinh hoặc kể từ ngày quyền và nghĩa vụ của Chủ thẻ bị vi phạm. Quá thời hạn trên, PVcomBank vẫn tiếp tục hỗ trợ giải quyết tra soát khiếu nại nhưng khách hàng phải chịu hoàn toàn thiệt hại phát sinh do khiếu nại chậm. PVcomBank từ chối tiếp nhận các yêu cầu tra soát nếu trong vòng 120 ngày kể từ ngày phát sinh giao dịch khách hàng không gửi yêu cầu tra soát cho PVcomBank;
- 1.2.23. Cam kết chịu trách nhiệm về tất cả những giao dịch bằng Thẻ đã thực hiện trước thời điểm PVcomBank nhận được thông báo bằng văn bản về việc Thẻ bị mất cắp, thất lạc, lộ PIN hoặc có nghi ngờ Thẻ đang bị lợi dụng, bao gồm nhưng không giới hạn giao dịch lừa đảo và/hoặc chữ ký giả mạo bởi bất kỳ người nào;
- 1.2.24. Chủ thẻ công nhận, không hủy ngang và chịu trách nhiệm thanh toán tất cả các giao dịch được thực hiện theo đúng quy định của PVcomBank về quy trình thanh toán bằng Thẻ; cam kết chịu mọi rủi ro liên quan đến giao dịch đã thực hiện.
- 1.2.25. Các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều Khoản Và Điều Kiện này và các quy định có liên quan của pháp luật.

2. Quyền và trách nhiệm của PVcomBank:

- 2.1. **Quyền của PVcomBank:** Ngoài các quyền khác quy định tại Điều Khoản Và Điều Kiện này, PVcomBank có các quyền sau:
 - 2.1.1. PVcomBank được miễn trách nhiệm trong trường hợp hệ thống xử lý, hệ thống truyền tin,... bị trục trặc hoặc vì bất kỳ lý do gì ngoài khả năng kiểm soát của PVcomBank;
 - 2.1.2. Từ chối cấp phép các Giao dịch thẻ không hợp lệ, hợp pháp theo quy định của PVcomBank và pháp luật hoặc trong các trường hợp ngoài khả năng kiểm soát của PVcomBank;
 - 2.1.3. Yêu cầu Chủ thẻ cung cấp đầy đủ thông tin và tài liệu cần thiết khi đề nghị phát hành Thẻ và trong quá trình sử dụng Thẻ;
 - 2.1.4. Thu thập thông tin từ các tổ chức, cá nhân khác về Chủ thẻ;

- 2.1.5. Cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền và tổ chức, cá nhân được phép khác thông tin về Chủ thẻ, số PIN, Sao kê và các Giao dịch thẻ theo đúng quy định của pháp luật;
- 2.1.6. Tăng hoặc giảm hạn mức thẻ và/hoặc thay đổi hạng thẻ theo quy định của PVcomBank;
- 2.1.7. Khóa Thẻ khi nhận được thông báo Thẻ bị mất cắp, thất lạc, lộ PIN hoặc có nghi ngờ Thẻ đang bị lợi dụng;
- 2.1.8. Thu hồi Thẻ bất cứ lúc nào bằng cách thông báo về việc thu hồi này cho Chủ thẻ hoặc thông qua các tổ chức thanh toán thẻ, đơn vị chấp nhận thẻ trong các trường hợp Chủ thẻ vi phạm các quy định của pháp luật, của PVcomBank, của tổ chức thẻ quốc tế hoặc vi phạm các thỏa thuận trong Điều Khoản Và Điều Kiện này, hoặc các trường hợp nghi ngờ thẻ giả, giả mạo. Trong trường hợp này, PVcomBank được miễn trách đối với bất kỳ sự phương hại nào tới danh dự, uy tín của Chủ thẻ trong việc thu hồi lại Thẻ;
- 2.1.9. Ghi nợ Tài khoản giá trị tất cả các Giao dịch thẻ, các khoản phí và lãi phát sinh liên quan đến việc phát hành, sử dụng và thanh toán Thẻ theo biểu phí được PVcomBank quy định từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật và thỏa thuận tại Điều Khoản Và Điều Kiện này;
- 2.1.10. Yêu cầu Chủ thẻ thanh toán các khoản Giao dịch thẻ và các khoản phí, lãi phát sinh liên quan đến việc phát hành, sử dụng và thanh toán Thẻ;
- 2.1.11. Được quyền yêu cầu Chủ thẻ sử dụng mọi tài sản và nguồn thu của cá nhân và gia đình Chủ thẻ và bên thứ 3 (ba); yêu cầu bên nắm giữ tài sản của Chủ thẻ, gia đình Chủ thẻ, các thành viên Chủ thẻ chuyển giao cho PVcomBank để thanh toán, hoàn trả các khoản nợ gốc, lãi, phí cho Chủ thẻ; được quyền ghi âm lại tất cả trao đổi của Chủ thẻ và/hoặc các thông tin bằng lời nói giữa Chủ thẻ và PVcomBank trong quá trình sử dụng Thẻ;
- 2.1.12. Được quyền liên hệ với vợ/chồng/người tham chiếu của Chủ thẻ mà Chủ thẻ đã cung cấp thông tin tại Đề nghị phát hành thẻ trong trường hợp cần thiết;
- 2.1.13. Các quyền khác theo quy định tại Điều Khoản Và Điều Kiện này và các quy định có liên quan của pháp luật.
- 2.2. **Trách nhiệm của PVcomBank:**
 - 2.2.1. Tuân thủ các quy định về phát hành và thanh toán Thẻ của pháp luật Việt Nam và tổ chức thẻ quốc tế;
 - 2.2.2. Bảo mật các thông tin của Chủ thẻ theo quy định của pháp luật và chỉ cung cấp các thông tin này trong những trường hợp theo quy định của pháp luật và/hoặc thỏa thuận với Chủ thẻ;
 - 2.2.3. Giải quyết các yêu cầu tra soát, khiếu nại của Chủ thẻ liên quan đến việc sử dụng Thẻ theo quy định của pháp luật và tổ chức thẻ quốc tế;
 - 2.2.4. Khóa thẻ khi nhận được thông báo của Chủ thẻ về việc thẻ bị mất cắp, thất lạc hoặc lộ PIN;
 - 2.2.5. Khi phát sinh thay đổi hoặc ngừng cung cấp dịch vụ, PVcomBank phải gửi thông báo cho Chủ thẻ hoặc đăng tải thông tin trên website hoặc hình thức khác do PVcomBank lựa chọn;
 - 2.2.6. Thanh toán cho Chủ thẻ số tiền chưa sử dụng hết trên thẻ tín dụng khi Chủ thẻ yêu cầu sau khi đã trừ đi tất cả các khoản phải thanh toán của Chủ Thẻ cho PVcomBank;

- 2.2.7. Các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều Khoản Và Điều Kiện này và các quy định có liên quan của pháp luật.

X. QUY ĐỊNH KHÁC

1. Nếu Chủ thẻ sử dụng Thẻ để đặt trước dịch vụ nhưng không sử dụng dịch vụ đó và không thông báo hủy dịch vụ trong thời hạn theo quy định của đơn vị chấp nhận thẻ, Chủ thẻ có thể phải thanh toán một phần hoặc toàn bộ giá trị dịch vụ, các loại thuế và phí liên quan theo quy định của từng đơn vị chấp nhận thẻ. PVcomBank có quyền ghi nợ tài khoản thẻ của Chủ thẻ trong những trường hợp này;
2. Nếu xét thấy Chủ thẻ vẫn đáp ứng đầy đủ các điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng PVcomBank, PVcomBank có thể xem xét tái cấp hạn mức thẻ tín dụng cho Chủ thẻ, phù hợp với quy định của PVcomBank trong từng thời kỳ. Trong trường hợp PVcomBank xét thấy việc tái cấp hạn mức thẻ tín dụng cho Chủ thẻ là phù hợp, Chủ thẻ mặc nhiên chấp nhận Hợp Đồng Tín Dụng mà Chủ thẻ đã ký kết trước đó và bản Điều Khoản Và Điều Kiện này được tự động gia hạn theo thời hạn hiệu lực của hạn mức thẻ tín dụng đã được tái cấp. Trừ khi PVcomBank có văn bản khước từ quyền hạn, quyền lực hay biện pháp của mình, mọi sự thất bại hay chậm trễ thực hiện các quyền hạn, quyền lực hay biện pháp nào của PVcomBank sẽ không được coi như là sự khước từ toàn bộ hay khước từ một phần các quyền hạn, quyền lực hay biện pháp đó.
3. Bất cứ yêu cầu nào của Chủ thẻ liên quan đến việc phát hành và sử dụng Thẻ phải được thực hiện bằng văn bản hoặc bằng hình thức được pháp luật cho phép hoặc do hai bên thỏa thuận. PVcomBank sẽ không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh do việc thực hiện các yêu cầu của Chủ thẻ không qua các hình thức này.

PHẦN D: ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CHUNG

1. Sự Kiện Vi Phạm:

Bất kỳ sự kiện nào quy định dưới đây là một sự kiện vi phạm (trong Điều Khoản Và Điều Kiện này gọi là “**Sự Kiện Vi Phạm**”):

- 1.1. Khách Hàng vi phạm một, một số hoặc tất cả các nghĩa vụ sau: (i) vi phạm thỏa thuận, cam kết theo Hợp Đồng Tín Dụng, (ii) vi phạm bất kỳ cam kết nào liên quan đến khoản vay/hạn mức thẻ tín dụng được cấp hoặc vi phạm bất kỳ thỏa thuận nào liên quan đến việc thực hiện Hợp Đồng Tín Dụng; (iii) Cung cấp thông tin sai sự thật trong quá trình cấp tín dụng; (iv) Sử dụng vốn vay, thẻ tín dụng không đúng với mục đích đã kê khai trên Hợp Đồng Tín Dụng; (v) Thực hiện các hành vi không được thực hiện trong quá trình sử dụng thẻ; (vi) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.
- 1.2. Khách Hàng (i) chấm dứt Hợp Đồng lao động với Đơn vị công tác, bị sa thải, chuyển công tác; và/hoặc (ii) thôi không đảm nhiệm các chức vụ; và/hoặc (iii) xảy ra bất kỳ sự kiện liên quan đến việc làm của Khách Hàng, dẫn tới việc Khách Hàng không còn đáp ứng các điều kiện cho vay trả góp bằng lương/cho vay thấu chi không tài sản bảo đảm/sử dụng Thẻ tín dụng theo quy định của PVcomBank.

- 1.3. Khách Hàng chi tiêu vượt hạn mức Thẻ tín dụng/hạn mức thấu chi mà không được PVcomBank cho phép;
- 1.4. Sau 1 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán, nếu Khách hàng không thanh toán hoặc thanh toán số tiền nhỏ hơn Số tiền thanh toán tối thiểu, toàn bộ Dư nợ chưa thanh toán sẽ bị chuyển sang nợ quá hạn và Khách Hàng bị xem là vi phạm Điều Khoản Và Điều Kiện. Việc chuyển nợ quá hạn, thu hồi và xử lý nợ thực hiện theo các quy định về thu hồi và xử lý nợ của PVcomBank trong từng thời kỳ;
- 1.5. Khách Hàng vi phạm bất kỳ cam kết hoặc nghĩa vụ nào theo quy định tại Điều Khoản Và Điều Kiện này và các cam kết khác đối với PVcomBank;
- 1.6. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật hoặc hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.

2. Thay Đổi Bất Lợi Đáng Kể:

Thay đổi bất lợi đáng kể theo Điều Khoản Và Điều Kiện này là bất kỳ hành động, sự kiện cho dù có liên quan hay không liên quan trực tiếp đến Khách Hàng, nhưng theo quan điểm, đánh giá của PVcomBank có ảnh hưởng hoặc có khả năng ảnh hưởng bất lợi tới việc thực hiện Hợp Đồng Tín Dụng, bao gồm:

- 2.1. Khách Hàng chết, mất tích hoặc bị tuyên bố là đã chết, bị tuyên bố là mất tích, bị mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, ly hôn, bỏ trốn hoặc đi khỏi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ liên lạc hoặc PVcomBank không liên lạc được; Khách hàng là đối tượng vi phạm trong các vụ án dân sự, hình sự và hành chính đang được cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng các biện pháp ngăn chặn, cưỡng chế, điều tra
- 2.2. Khách Hàng tham gia các thủ tục khiếu kiện, khiếu nại, thủ tục tố tụng (bao gồm nhưng không giới hạn bởi: giải quyết ly hôn, khởi tố, bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chấp hành bản án,...) hoặc thủ tục trọng tài và tất cả các sự kiện khác mà theo đánh giá của PVcomBank có ảnh hưởng hoặc có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính, tài sản và khả năng trả nợ của Khách Hàng.
- 2.3. Người bảo lãnh cho nghĩa vụ trả nợ của Khách Hàng (nếu có) không có khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh hoặc bị rơi vào các trường hợp tương tự như của Khách Hàng nêu trên hoặc Người bảo lãnh, bên có liên quan đó là tổ chức bị chia tách, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động.
- 2.4. Phần lớn tài sản của Khách Hàng bị kê biên, phong tỏa, cầm giữ; hoặc tài sản bảo đảm của Khách Hàng bị mất, hư hỏng, giảm sút giá trị so với giá trị tài sản bảo đảm được định giá tại thời điểm cấp hạn mức theo định giá của PVcomBank hoặc bên thứ ba;
- 2.5. Xảy ra các sự kiện liên quan đến gian lận và quản trị rủi ro bao gồm nhưng không giới hạn: PVcomBank phát hiện những dấu hiệu thẻ bị giả mạo hoặc nghi ngờ thẻ của Khách Hàng bị lợi dụng; PVcomBank nhận được thông báo từ Tổ Chức Thẻ Quốc Tế về danh sách thẻ nghi ngờ; Thẻ nằm trong danh sách thẻ đen/thu hồi; Thẻ bị thất lạc trong quá trình giao nhận;

Khách Hàng không kích hoạt thẻ sau 180 ngày kể từ khi Thẻ được phát hành; các sự kiện liên quan đến công tác điều tra, xử lý tội phạm theo quy định pháp luật,...

- 2.6. Các sự kiện khác mà theo đánh giá, xem xét của PVcomBank là có khả năng ảnh hưởng tới khả năng trả nợ đầy đủ, đúng hạn của Khách Hàng bao gồm nhưng không giới hạn: nghỉ việc, thay đổi thu nhập hoặc không còn đáp ứng điều kiện sử dụng Thẻ/điều kiện vay vốn theo quy định của PVcomBank.
- 2.7. Bất kỳ sự kiện nào mà theo đánh giá của PVcomBank có ảnh hưởng tới (i) sự ổn định của thị trường tiền tệ, việc cân đối, huy động vốn trên thị trường; hoặc (ii) việc thực hiện Hợp Đồng Tín Dụng của Khách Hàng đối với PVcomBank.

3. **Xử lý trong trường hợp có Sự Kiện Vi Phạm hoặc Thay Đổi Bất Lợi Đáng Kể**

Khi xảy ra Sự Kiện Vi Phạm hoặc Thay Đổi Bất Lợi Đáng Kể, ngoài các quyền, quyền hạn và biện pháp khắc phục theo quy định pháp luật, Ngân hàng có toàn quyền quyết định một hoặc nhiều biện pháp sau đây mà không cần thông báo trước cho Khách Hàng:

- 3.1. **Đối với KH được cấp hạn mức thẻ tín dụng:** Khóa thẻ tạm thời; Thu hồi thẻ; Khóa thẻ vĩnh viễn, chấm dứt cung cấp dịch vụ thẻ, thực hiện thu hồi thẻ và tiến hành thu hồi toàn bộ Dư nợ (nếu có); Từ chối thanh toán thẻ, điều chỉnh chính sách phí thường niên, lãi suất hoặc các biện pháp khác do PVcomBank quyết định phù hợp quy định pháp luật;
- 3.2. **Đối với Khách Hàng được PVcomBank cho vay/cấp hạn mức thấu chi:** ngoài các quyền, quyền hạn và biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật, PVcomBank có toàn quyền quyết định và chỉ cần thông báo bằng văn bản hoặc các hình thức thông báo khác (như điện thoại, thư điện tử...) cho Khách Hàng về việc: (i) đình chỉ việc tiếp tục rút vốn vay của Khách Hàng theo Hợp Đồng Tín Dụng; và/hoặc (ii) quyết định thu hồi nợ trước hạn hoặc chấm dứt HMTD trước hạn; và/hoặc (iii) Áp dụng các mức lãi suất khác với lãi suất đã thỏa thuận cho các khoản chưa giải ngân/hoặc đã giải ngân trên tinh thần cùng chia sẻ rủi ro; và/hoặc (iv) áp dụng bất kỳ biện pháp nào mà PVcomBank cho là thích hợp không trái với quy định của pháp luật;
- 3.3. Trường hợp PVcomBank áp dụng biện pháp thu hồi nợ trước hạn, bao gồm cả việc chấm dứt cung cấp dịch vụ thẻ tín dụng cho khách hàng: Kể từ thời điểm theo thông báo của PVcomBank, tất cả các khoản nợ (dù đã đến hạn hay chưa đến hạn) đều trở thành khoản nợ đến hạn và Khách Hàng có nghĩa vụ thanh toán cho PVcomBank. Hết thời hạn thanh toán theo thông báo của PVcomBank, nếu các nghĩa vụ nợ chưa được thanh toán hết thì toàn bộ các khoản nợ chưa được thanh toán hết sẽ được chuyển thành nợ quá hạn và áp dụng Lãi suất quá hạn. Khi đó Ngân hàng được quyền (nhưng không có nghĩa vụ) áp dụng tất cả các biện pháp nghiệp vụ sau để thu hồi nợ:
- 3.1.1. Tự động tạm khóa tài khoản thanh toán của Khách hàng, tự động trích tiền từ các tài khoản thanh toán của Khách Hàng để thu hồi nợ;
- 3.1.2. Xử lý các khoản tiền gửi của Khách Hàng (nếu có) tại PVcomBank, ngay cả khi các khoản tiền gửi đó chưa đến hạn thanh toán. PVcomBank được miễn trách nhiệm về việc chấm dứt trước kỳ hạn tiền gửi của Khách Hàng;

- 3.1.3. Thu hồi nợ từ các nguồn lương, thu nhập của Khách Hàng hay từ cơ quan, đơn vị công tác hay bất kỳ tài sản nào khác của Khách Hàng hoặc tài sản bảo đảm cho các khoản vay khác của Khách Hàng tại PVcomBank mà không cần có xác nhận của Khách Hàng;
- 3.1.4. Xử lý bất kỳ tài sản đảm bảo nào theo Điều Khoản Và Điều Kiện (nếu có);
- 3.1.5. Lập ủy nhiệm thu, yêu cầu các Ngân hàng mở tài khoản cho Chủ thẻ trích tiền để thu hồi các nghĩa vụ nợ của Khách Hàng/Chủ thẻ tại PVcomBank Tiến hành các biện pháp thu hồi nợ khác, bao gồm cả khởi kiện. Khách Hàng/Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán chi phí phát sinh để thu hồi nợ, bao gồm nhưng không giới hạn bởi phí luật sư, án phí, phí xử lý tài sản bảo đảm, chi phí đi lại, thông tin liên lạc, sao, chụp, công chứng, dịch thuật tài liệu, chuẩn bị tài liệu tố tụng, phí thi hành án mà PVcomBank không cần chứng minh;
- 3.1.6. Các biện pháp khác do PVcomBank quyết định không trái với quy định của pháp luật Việt Nam tại thời điểm áp dụng.

4. Bảo đảm khoản vay

- 4.1. Khách Hàng đồng ý rằng trong thời hạn vay vốn, Khách Hàng dùng toàn bộ các thu nhập và tài sản sau của Khách Hàng để trả đầy đủ nợ gốc, lãi, các nghĩa vụ thanh toán khác (nếu có) phát sinh theo Hợp Đồng Tín Dụng cho PVcomBank: (i) mọi khoản thu của Khách Hàng, không giới hạn bởi lương, thu nhập hàng tháng, các khoản phụ cấp, trợ cấp và mọi nguồn thu của Khách Hàng, và (ii) các tài sản khác của cá nhân và gia đình Khách Hàng.
- 4.2. Trong trường hợp xảy ra các Sự Kiện Vi Phạm hoặc Thay Đổi Bất Lợi Đáng Kể, theo yêu cầu của PVcomBank, Khách Hàng có nghĩa vụ bổ sung tài sản bảo đảm trong vòng 10 ngày kể từ khi nhận được thông báo của PVcomBank để bảo đảm cho nghĩa vụ vay vốn theo Hợp Đồng Tín Dụng, phối hợp với PVcomBank để hoàn thiện các thủ tục bảo đảm tiền vay và Khách Hàng chịu toàn bộ các chi phí liên quan theo quy định của pháp luật và PVcomBank.

5. Bảo hiểm

- 5.1. Khi đề nghị cấp tín dụng, Khách Hàng đồng ý rằng Khách hàng tự nguyện: (i) mua bảo hiểm cho khoản vay/hạn mức Thẻ tín dụng và/hoặc bất kỳ Tài sản bảo đảm nào của khoản vay tại Công ty bảo hiểm do PVcomBank chấp thuận; và (ii) chuyển quyền thụ hưởng bảo hiểm cho PVcomBank. Thời hạn của Hợp Đồng Bảo Hiểm tối thiểu phải bằng Thời Hạn Cho Vay/Thời hạn cấp HMTCT/Thời hạn hiệu lực của Thẻ.
- 5.2. Trường hợp hết thời hạn Hợp Đồng Bảo Hiểm mà Khách Hàng chưa hoàn thành nghĩa vụ trả nợ tại PVcomBank và/hoặc Khách Hàng được PVcomBank gia hạn thời hạn hiệu lực của Thẻ, Khách Hàng có trách nhiệm tiếp tục mua và duy trì bảo hiểm cho khoản vay/hạn mức Thẻ tín dụng cho đến khi hoàn thành các nghĩa vụ trả nợ đối với PVcomBank. Trong thời hạn 03 (ba) Ngày Làm Việc sau khi bất kỳ hợp đồng bảo hiểm và/hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm nào được cấp, Khách Hàng sẽ cung cấp cho PVcomBank bản gốc của hợp đồng và/hoặc giấy chứng nhận đó. Trong trường hợp Khách Hàng không tiếp tục mua hoặc duy trì bảo hiểm cho đến khi hoàn thành các nghĩa vụ trả nợ với PVcomBank, Khách Hàng đồng ý PVcomBank được quyền: (i) thu hồi nợ trước hạn; hoặc (ii) điều chỉnh tăng Lãi suất; hoặc (iii) mua bảo hiểm

thay cho Khách Hàng hoặc các biện pháp khác do PVcomBank quyết định phù hợp quy định pháp luật.

- 5.3. Trường hợp PVcomBank mua bảo hiểm cho khoản vay/hạn mức Thẻ tín dụng thay cho Khách Hàng, Ngân Hàng được lựa chọn Tổ chức bảo hiểm và quyết định tất cả các vấn đề liên quan khi mua bảo hiểm. Khách Hàng có nghĩa vụ hoàn trả khoản tiền này cho PVcomBank trong kỳ thanh toán gần nhất và phải chịu một khoản tiền lãi phát sinh trong thời hạn chưa hoàn trả tính theo Lãi suất cho vay/Lãi suất Thẻ.
- 5.4. Hợp Đồng mua bảo hiểm của Khách Hàng ký với Công ty bảo hiểm hoặc PVcomBank/bên khác mua thay cho Khách Hàng phải quy định người thụ hưởng bảo hiểm đầu tiên và duy nhất là PVcomBank.
- 5.5. Khách Hàng đồng ý và hiểu rõ: (i) việc mua bảo hiểm theo Điều này là để bảo vệ rủi ro cho khoản vay và/hoặc Tài Sản Bảo Đảm; và (ii) thỏa thuận này không nhằm mục đích gắn việc bán sản phẩm bảo hiểm với việc cung ứng sản phẩm, dịch vụ của Ngân Hàng.

6. Tài khoản

Khách Hàng bằng điều khoản này đồng ý cho Đơn vị công tác và/hoặc các tổ chức chi trả lương hoặc các khoản thu nhập khác cho Khách Hàng có quyền: (i) trích chuyển lương và thu nhập của Khách Hàng theo thông báo bằng văn bản của PVcomBank; và/hoặc (ii) giữ lại bất kỳ và toàn bộ lương và các khoản thu nhập của Khách Hàng để chuyển theo thông báo của PVcomBank.

7. Sửa đổi nội dung điều khoản và điều kiện

- 7.1. Trong trường hợp khi có sự thay đổi của pháp luật, hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước hoặc các quy định nội bộ của PVcomBank dẫn đến sự khác biệt đối với các thỏa thuận đã được ghi nhận tại Điều khoản và Điều kiện này, các bên đồng ý rằng, PVcomBank được tự động áp dụng những thay đổi này theo quy định pháp luật, quy định nội bộ của PVcomBank và đăng tải trên website của PVcomBank (<https://www.pvcombank.com.vn/>) khi điều chỉnh. Các sửa đổi, bổ sung này có hiệu lực kể từ ngày bản Điều khoản và Điều kiện (sửa đổi, bổ sung) được đăng tải thành công trên website của PVcomBank.
- 7.2. Trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày Bản sửa đổi, bổ sung của Điều Khoản Và Điều Kiện được đăng tải và thông báo trên website <https://www.pvcombank.com.vn/>, nếu KH không đồng ý với các sửa đổi, bổ sung do PVcomBank đưa ra, KH có trách nhiệm thông báo với PVcomBank để thỏa thuận chấm dứt Điều Khoản Và Điều Kiện này.
- 7.3. Nếu KH không có ý kiến sau thời hạn 5 ngày kể từ ngày PVcomBank đăng tải và thông báo trên website <https://www.pvcombank.com.vn/> về Bản sửa đổi, bổ sung của Điều Khoản Và Điều Kiện hoặc tiếp tục sử dụng vốn vay/Thẻ sau thời điểm bản sửa đổi, bổ sung của Điều Khoản Và Điều Kiện được PVcomBank đăng tải và thông báo thì được hiểu là KH chấp nhận hoàn toàn các sửa đổi, bổ sung đó.

8. Sự kiện bất khả kháng:

- 8.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan đối với PVcomBank và/hoặc Khách Hàng mà PVcomBank và/hoặc Khách Hàng không thể lường trước được và không thể ngăn chặn, khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép gây ảnh hưởng đến việc sử dụng thẻ của Khách hàng.
- 8.2. Các sự kiện sau đây được coi là sự kiện bất khả kháng:
 - 8.2.1. Chiến tranh, sự xâm chiếm, xung đột vũ trang, kẻ thù bên ngoài, cách mạng hay khủng bố; hoặc
 - 8.2.2. Thiên tai, hỏa hoạn, tràn nước trong phạm vi địa lý mà Dịch vụ được thực hiện; đường truyền tín hiệu thu vệ tinh bị sự cố; hoặc
 - 8.2.3. Sự cố liên quan đến Internet bao gồm nhưng không giới hạn: gián đoạn, hỏng hóc đường truyền, điện, mạng, thiết bị, vi rút, các lỗi kỹ thuật, gian lận và/hoặc các sự cố khác;
 - 8.2.4. Bất kỳ sự kiện nào khác nằm ngoài khả năng kiểm soát của PVcomBank, trong từng trường hợp đều không thể dự đoán và ngăn chặn mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép.
- 8.3. PVcomBank sẽ không chịu trách nhiệm cho bất cứ sự chậm trễ hay vi phạm nào trong việc thực hiện bất cứ nghĩa vụ nào của Điều Khoản Và Điều Kiện này nếu những chậm trễ hay vi phạm đó bị gây ra bởi sự kiện bất khả kháng.
- 8.4. Nếu sự kiện bất khả kháng tác động và làm cho PVcomBank không thể thực hiện nghĩa vụ cung cấp dịch vụ của mình theo Điều Khoản Và Điều Kiện này, PVcomBank sẽ ngay lập tức thông báo cho Khách hàng biết về sự kiện bất khả kháng này trong thời hạn và cách thức phù hợp, bao gồm cả thời gian bắt đầu, thời gian dự kiến kéo dài, phạm vi nghĩa vụ bị ảnh hưởng, hậu quả dự kiến và biện pháp khắc phục hậu quả do sự kiện bất khả kháng gây ra (nếu có). PVcomBank có quyền chỉ định bên thứ ba khác để khắc phục hoặc hỗ trợ cho quá trình khắc phục hậu quả.
- 8.5. Khách hàng có quyền chấm dứt hợp đồng nếu sau thời hạn khắc phục mà PVcomBank đã đưa ra mà PVcomBank không hoàn thành việc khôi phục dịch vụ.
- 9. Các hành vi không được thực hiện trong quá trình sử dụng thẻ**
 - 9.1. Sửa chữa, tẩy xóa thẻ không đúng quy định pháp luật; làm giả thẻ; lưu giữ, lưu hành, chuyển nhượng, sử dụng thẻ giả.
 - 9.2. Xâm nhập hoặc tìm cách xâm nhập, đánh cắp dữ liệu, phá hoại, làm thay đổi trái phép chương trình phần mềm, dữ liệu điện tử sử dụng trong thanh toán thẻ; lợi dụng lỗi hệ thống mạng máy tính để trục lợi.
 - 9.3. Cung cấp không trung thực thông tin có liên quan đến việc phát hành và sử dụng thẻ.
 - 9.4. Thuê, cho thuê, mua, bán, mở hộ thẻ ngân hàng (trừ trường hợp thẻ trả trước vô danh); lấy cắp, thông đồng để lấy cắp, mua, bán thông tin thẻ ngân hàng.
 - 9.5. Thực hiện, tổ chức thực hiện hoặc tạo điều kiện thực hiện các hành vi: sử dụng, lợi dụng thẻ, dịch vụ thanh toán qua thẻ để đánh bạc, tổ chức đánh bạc, gian lận, lừa đảo, kinh doanh trái pháp luật và thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật khác.

- 9.6. Sử dụng thẻ để thực hiện các giao dịch cho các mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ vũ khí hủy diệt hàng loạt, lừa đảo, gian lận, tiền ảo; thanh toán tiền mua các hàng hóa, dịch vụ bất hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam (bao gồm cả trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ ở nước ngoài) và không thuộc phạm vi sử dụng thẻ theo thỏa thuận bằng văn bản giữa TCPHT và chủ thẻ.
- 9.7. Thực hiện, tổ chức thực hiện hoặc tạo điều kiện để người khác thực hiện các hành vi giao dịch thẻ gian lận, giả mạo, giao dịch thanh toán khống tại ĐVCNT (không phát sinh việc mua bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ).
- 9.8. Mua, bán, thuê, cho thuê thẻ hoặc thông tin thẻ, mở hộ thẻ.
- 9.9. Các giao dịch bị cấm khác theo quy định của pháp luật và của PVcomBank trong từng thời kỳ.

10. Phòng, chống rửa tiền và chống tài trợ khủng bố/vũ khí hủy diệt hàng loạt

KH cam kết: (i) sử dụng Thẻ tín dụng/vốn vay/HMTC đúng mục đích đã cam kết khi Ngân Hàng phát hành Thẻ tín dụng/giải ngân và chịu toàn bộ trách nhiệm về việc sử dụng Thẻ tín dụng/vốn vay/HMTC phù hợp với quy định pháp luật; và (ii) không sử dụng Thẻ tín dụng/vốn vay/HMTC để phục vụ mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố/vũ khí hủy diệt hàng loạt, lừa đảo, gian lận hoặc bất kỳ mục đích trái pháp luật nào khác; và (iii) tất cả tài sản bảo đảm được KH sử dụng để bảo đảm cho Thẻ tín dụng/vốn vay/HMTC (nếu có) và tất cả các khoản tiền được sử dụng để thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nghĩa vụ tài chính khác của KH với PVcomBank được hình thành từ các nguồn hợp pháp và không vi phạm bất kỳ quy định nào của pháp luật (bao gồm cả các quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền và chống tài trợ khủng bố).

11. Phòng, chống tham nhũng

- 11.1. KH hoàn toàn hiểu rõ việc PVcomBank không yêu cầu KH hay người thân của KH đưa tiền hoặc cung cấp bất cứ lợi ích vật chất/phi vật chất nào cho cán bộ, nhân viên, cộng tác viên của PVcomBank và/hoặc cán bộ, nhân viên, cộng tác viên của Doanh nghiệp có cung cấp dịch vụ cho PVcomBank để hỗ trợ PVcomBank triển khai hoạt động bán sản phẩm tín dụng đến KH trong suốt quá trình tư vấn, thiết lập, giao dịch với PVcomBank, hỗ trợ PVcomBank trong hoạt động xử lý nợ,.... PVcomBank chỉ thu các khoản tiền (gốc, lãi, phí, phạt và các nghĩa vụ tài chính khác của KH) phù hợp với quy định của pháp luật và thỏa thuận giữa PVcomBank và KH.
- 11.2. KH cam kết: (i) không hối lộ dưới bất kỳ hình thức nào, bao gồm nhưng không giới hạn việc: đưa tiền, quà, cung cấp các lợi ích vật chất/phi vật chất hoặc gợi ý sẽ đưa tiền, quà, các lợi ích vật chất/phi vật chất cho các cán bộ, nhân viên, cộng tác viên của PVcomBank và/hoặc cán bộ, nhân viên, cộng tác viên của Doanh nghiệp có cung cấp dịch vụ cho PVcomBank để hỗ trợ PVcomBank triển khai hoạt động bán sản phẩm tín dụng đến KH trong suốt quá trình tư vấn, thiết lập, giao dịch với PVcomBank, hỗ trợ PVcomBank trong hoạt động xử lý nợ,... nhằm đạt được các giao dịch, thỏa thuận có lợi; và (ii) không thực hiện các hành vi gian lận, vi phạm quy định, quy trình của PVcomBank, vi phạm quy định của pháp luật.

- 11.3. Trường hợp KH phát hiện hoặc nhận được các gợi ý, đòi hỏi, yêu cầu về việc đưa, nhận hối lộ dưới bất kỳ hình thức nào của cán bộ, nhân viên, cộng tác viên của PVcomBank và/hoặc cán bộ, nhân viên, cộng tác viên của Doanh nghiệp có cung cấp dịch vụ cho PVcomBank để hỗ trợ PVcomBank triển khai hoạt động bán sản phẩm tín dụng đến KH trong suốt quá trình tư vấn, thiết lập, giao dịch với PVcomBank, hỗ trợ PVcomBank trong hoạt động xử lý nợ,... nhằm đạt được các giao dịch, thỏa thuận có lợi, KH phải thông báo ngay cho PVcomBank thông qua các kênh liên hệ được PVcomBank triển khai tại từng thời kỳ.
- 11.4. Trong trường hợp vi phạm bất cứ cam kết nào liên quan đến việc phòng chống tham nhũng, KH hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hành vi vi phạm của mình, đồng thời từ bỏ các quyền khiếu nại đối với PVcomBank.
- 12. Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại**
- 12.1. Ngoài trừ các trường hợp vi phạm khác đã có mức phạt vi phạm cụ thể theo quy định tại Hợp Đồng Tín Dụng và Điều Khoản Và Điều Kiện này, trường hợp KH vi phạm bất cứ nghĩa vụ, cam kết, trách nhiệm nào với PVcomBank, KH phải chịu phạt vi phạm theo mức 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm hoặc mức phạt tối đa khác theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ. Ngoài việc thanh toán tiền phạt vi phạm theo quy định tại Khoản này, KH có nghĩa vụ bồi thường cho PVcomBank toàn bộ các thiệt hại phát sinh mà PVcomBank phải gánh chịu do vi phạm của KH, bao gồm nhưng không giới hạn: chi phí giám định, định giá, thẩm định cấp tín dụng, phí luật sư, các chi phí phát sinh khác mà PVcomBank đã thanh toán trong trường hợp chấm dứt cho vay, thu hồi nợ do lỗi của KH và các chi phí, tiền phạt vi phạm, tiền bồi thường thiệt hại, yêu cầu nộp phạt mà PVcomBank phải thanh toán cho Bên thứ ba do vi phạm của KH trực tiếp hay gián tiếp gây ra.
- 12.2. Việc thanh toán tiền phạt vi phạm, tiền bồi thường thiệt hại sẽ được thực hiện theo thông báo của PVcomBank và PVcomBank không cần cung cấp bất kỳ chứng từ chứng minh thiệt hại nào. Khi phát sinh vi phạm, PVcomBank sẽ thông báo cho KH về số tiền phạt vi phạm số tiền bồi thường thiệt hại và thời hạn thanh toán các khoản tiền này.
- 12.3. Việc áp dụng các biện pháp phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại không ảnh hưởng tới quyền của PVcomBank trong việc áp dụng các biện pháp xử lý khác khi KH vi phạm các quy định theo Hợp Đồng Tín Dụng, Điều Khoản Và Điều Kiện này.
- 13. Thông báo và cung cấp thông tin**
- 13.1. Thông báo của KH cho PVcomBank chỉ được xem là PVcomBank đã nhận nếu thông báo đó được gửi bằng hình thức văn bản cho PVcomBank trong giờ làm việc, ngày làm việc và được PVcomBank xác nhận là đã nhận. Các văn bản thông báo được gửi đến PVcomBank ngoài giờ làm việc được PVcomBank xem là nhận vào bất kỳ thời điểm nào của ngày làm việc tiếp theo.
- 13.2. Trừ khi có quy định rõ ràng khác trong Điều Khoản Và Điều Kiện, tất cả các thông báo và thông tin của PVcomBank cho Khách Hàng theo Điều Khoản Và Điều Kiện có thể gửi đi bằng một trong các phương thức như sau: (i) đường bưu điện, (ii) giao tận tay, (iii) fax, (iv) điện thoại, tin nhắn điện thoại; (v) thư điện tử tới hộp thư Khách Hàng đã đăng ký; (vi) đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của PVcomBank (<http://pvcombank.com.vn>) hoặc bất kỳ hình thức thông báo nào do PVcomBank quyết định không trái với quy định pháp luật. Các bên đồng ý rằng việc thông báo bằng tin nhắn, thư điện tử, fax hoặc các hình thức thông báo điện tử khác theo Luật Giao dịch điện tử là một hình thức thông báo bằng văn bản.

- 13.3. Thông báo của PVcomBank gửi cho Khách Hàng/Chủ thẻ được xem là đã nhận nếu:
- 13.3.1. Bằng thư, từ thời điểm bưu điện hoặc đơn vị chuyển phát hoàn thành việc gửi thư;
 - 13.3.2. Bằng điện thoại, từ thời điểm thông báo;
 - 13.3.3. Bằng email/tin nhắn điện thoại, từ thời điểm hoàn thành việc gửi email/tin nhắn điện thoại;
 - 13.3.4. Bằng fax, từ thời điểm hoàn thành việc gửi fax.
 - 13.3.5. Gửi trực tiếp, từ thời điểm Khách Hàng hoặc bất kỳ cá nhân nào (người thân, bạn bè,...) nhận thông báo tại địa chỉ của Khách Hàng nêu tại Hợp Đồng Tín Dụng.
 - 13.3.6. Trường hợp PVcomBank thông báo trên website <http://www.pvcombank.com.vn> hoặc niêm yết thông báo tại Quầy giao dịch, Khách hàng được xem là đã nhận kể từ thời điểm PVcomBank hoàn tất việc đăng thông tin trên website <http://www.pvcombank.com.vn> hoặc PVcomBank hoàn tất việc niêm yết thông tin tại các Quầy giao dịch.
- 13.4. Các thông tin của KH được PVcomBank bảo mật, trừ trường hợp phải cung cấp: (i) cho cá nhân, tổ chức có thẩm quyền theo quy định pháp luật; (ii) Trung tâm thông tin tín dụng của Ngân hàng Nhà nước (CIC); (iii) cho tổ chức hành nghề công chứng và cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm; (iv) cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân bất kỳ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của PVcomBank và/hoặc vì mục đích để thực hiện giải ngân, thu nợ, mua bán nợ, kiểm toán, tư vấn, thực hiện hoạt động cung cấp, giới thiệu, hỗ trợ cho Khách hàng các thông tin liên quan đến sản phẩm, dịch vụ của PVcomBank; (iv) các trường hợp khác do pháp luật quy định.
- 13.5. KH có nghĩa vụ thông báo cho PVcomBank về bất kỳ thay đổi nào đối với địa chỉ, số điện thoại hoặc số fax, email của mình ngay khi có sự thay đổi. Trường hợp không thông báo thì các thông tin nêu tại Hợp Đồng Tín Dụng vẫn giữ nguyên hiệu lực.
- 14. Chữ ký**
- Khách Hàng có thể ký kết Hợp Đồng Tín Dụng với PVcomBank bằng các phương thức sau:
- 14.1. Chữ ký viết tay
- Khách Hàng xác nhận chữ ký trên Hợp Đồng Tín Dụng là chữ ký mà Khách Hàng sử dụng cho tất cả các giao dịch liên quan đến mọi sản phẩm, dịch vụ của Khách Hàng tại PVcomBank. Trong trường hợp chữ ký của Khách Hàng theo Hợp Đồng Tín Dụng khác với chữ ký đã đăng ký trước đó tại PVcomBank thì Khách Hàng có trách nhiệm đăng ký lại mẫu chữ ký với PVcomBank, đồng thời có thể thực hiện điểm chỉ theo yêu cầu của PVcomBank.
- 14.2. Chữ ký điện tử
- 14.2.1. Chữ ký điện tử, theo Điều Khoản Và Điều Kiện này được hiểu là một trong các loại chữ ký mà PVcomBank và Khách Hàng thống nhất sử dụng để giao kết Hợp Đồng Tín Dụng bao gồm nhưng không giới hạn: Chữ ký số, Chữ ký điện tử, hoặc phương thức xác thực giao dịch thông qua phương tiện điện tử được KH và PVcomBank thỏa thuận sử dụng để giao dịch trên hệ thống Internet Banking/Mobile Banking/Hệ thống giao dịch điện tử khác do PVcomBank chấp thuận. Khách Hàng hiểu rõ và đồng ý Hợp Đồng được giao kết bằng phương thức điện tử có giá trị như được xác lập bằng văn bản và ràng buộc trách nhiệm của Khách Hàng.
- 14.2.2. Khách Hàng tự chịu trách nhiệm về các thiết bị được sử dụng để thực hiện giao dịch với PVcomBank bằng chữ ký điện tử. Khách Hàng cam kết: (i) đã hiểu và đồng ý rằng việc áp dụng chữ ký điện tử để giao kết Hợp Đồng Tín Dụng sẽ làm phát sinh hiệu lực của Hợp Đồng Tín Dụng; (ii) chấp thuận mọi rủi ro có thể xảy ra từ việc giao kết Hợp Đồng Tín Dụng thông qua chữ ký điện tử, bao gồm cả các rủi

ro liên quan đến/phát sinh từ các thiết bị được sử dụng để thực hiện giao dịch với PVcomBank bằng chữ ký điện tử; (iii) việc sử dụng chữ ký điện tử trong giao dịch với PVcomBank không vì bất cứ mục đích bất hợp pháp nào; (iv) miễn trừ cho PVcomBank khỏi mọi tranh chấp liên quan đến việc Khách Hàng sử dụng chữ ký điện tử.

15. Luật điều chỉnh, giải quyết tranh chấp

15.1. Hợp Đồng Tín Dụng và Điều Khoản Và Điều Kiện này được điều chỉnh bởi pháp luật Việt Nam. Nếu bất kỳ điều khoản hay điều kiện nào trong Hợp Đồng Tín Dụng và Bản Điều Khoản Và Điều Kiện này bị tuyên vô hiệu theo phán quyết của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc do thay đổi luật thì các nội dung còn lại vẫn giữ nguyên hiệu lực và có giá trị thực hiện với các bên.

15.2. Nếu có bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc giải thích từ ngữ cũng như việc thực hiện Hợp Đồng Tín Dụng và Điều Khoản Và Điều Kiện này giữa KH và PVcomBank trước hết sẽ được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải. Trường hợp không giải quyết được thông qua thương lượng, hòa giải được, các Bên đồng ý để PVcomBank được quyền lựa chọn một trong các phương thức giải quyết tranh chấp sau đây: (a) giải quyết tranh chấp tại Tòa án có thẩm quyền; hoặc (b) giải quyết tranh chấp tại một Trung tâm Trọng tài thương mại bất kỳ do PVcomBank lựa chọn. Trường hợp PVcomBank lựa chọn Trung tâm Trọng tài thương mại là cơ quan giải quyết tranh chấp, các Bên đồng ý tuân thủ theo quy tắc trọng tài của Trung tâm Trọng tài này, Hội đồng Trọng tài gồm 01 người duy nhất do Chủ tịch Trung tâm Trọng tài chỉ định. Trường hợp PVcomBank lựa chọn Tòa án là cơ quan giải quyết tranh chấp, hai bên thỏa thuận lựa chọn giải quyết tranh chấp tại Tòa án nơi cư trú, làm việc của nguyên đơn (trong trường hợp nguyên đơn là cá nhân) hoặc nơi có trụ sở của nguyên đơn (trong trường hợp nguyên đơn là tổ chức). Trụ sở của PVcomBank được hiểu là trụ sở chính hoặc trụ sở của Chi nhánh, Phòng giao dịch của PVcomBank.

16. Điều khoản thi hành

16.1. Những tài liệu kèm theo Điều Khoản Và Điều Kiện này hoặc để thực hiện Hợp Đồng Tín Dụng là một phần không thể tách rời của Hợp Đồng Tín Dụng;

16.2. Điều Khoản và Điều Kiện có thể được thể hiện bằng tiếng nước ngoài, trong trường hợp có mâu thuẫn nội dung giữa bản tiếng Việt và bản tiếng nước ngoài thì bản tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.